



CÔNG TY CP CAO SU SAO VÀNG

SAO VANG RUBBER JOINT - STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2024

Thách thức mọi con đường

Mục lục

CHƯƠNG

01

PHẦN MỞ ĐẦU

- 09. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 11. Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2020-2024
- 12. Tầm nhìn và Sứ mệnh

CHƯƠNG

02

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 15. Thông tin chung về doanh nghiệp
- 18. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 21. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 25. Giới thiệu ban lãnh đạo
- 31. Định hướng phát triển
- 33. Rủi ro

CHƯƠNG

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

- 39. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 41. Tổ chức và nhân sự
- 43. Tình hình thực hiện dự án đầu tư
- 44. Tình hình tài chính
- 47. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

CHƯƠNG

04

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 51. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
- 55. Tình hình tài chính
- 57. Phương hướng phát triển năm 2025
- 59. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)
- 59. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

CHƯƠNG

05

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 63. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 64. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 65. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

CHƯƠNG

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 69. Hội đồng quản trị
- 71. Ban kiểm soát
- 72. Giao dịch và thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
- 74. Tăng cường quản trị công ty

CHƯƠNG

07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 79. Giới thiệu báo cáo
- 79. Mục tiêu phát triển bền vững
- 80. Đánh giá của Ban Tổng giám đốc
- 81. Các chỉ tiêu phát triển bền vững

CHƯƠNG

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

DANH MỤC CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Công ty/SRC	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
CTHĐQT	Chủ tịch Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
GSO	Tổng cục thống kê Việt Nam



CHƯƠNG I

PHẦN MỞ ĐẦU

- 09. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 11. Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2020-2024
- 12. Tầm nhìn và Sứ mệnh



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024**

Thông điệp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PHẠM HOÀNH SƠN

Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Cao su Sao Vàng

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2024 vừa khép lại bước đầu đánh dấu sự hồi phục của ngành sắn lốp Việt Nam sau một năm 2023 nhiều khó khăn khi xuất khẩu giảm cả về sản lượng và giá trị, đồng thời bị cạnh tranh gay gắt bởi sắn lốp nhập khẩu qua đường tiểu ngạch. Bước sang năm 2024, bức tranh kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành dần khởi sắc, được hỗ trợ bởi điều kiện vĩ mô ổn định trong nước và sự hồi phục nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường thế giới dù tốc độ hồi phục còn chậm và vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thử thách.

Một mặt, tình hình kinh tế – xã hội năm 2024 của nước ta duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới mức mục tiêu, an sinh xã hội được duy trì là động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất công nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% vượt mục tiêu tăng trưởng 6,5 – 7% Quốc hội đề ra. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là 4%-4,5%, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Ngành sản xuất công nghiệp năm 2024 có bước phát triển vượt bậc với mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua, chỉ số sản xuất công nghiệp cả năm 2024 tăng 8,4%, cao nhất kể từ năm 2020 trở lại đây. Chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục phát triển và có tốc độ tăng cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng toàn ngành công nghiệp, trong đó sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 24,9%. Dù vậy, chi phí sản xuất đầu vào vẫn ở mức cao, thị trường đầu ra cạnh tranh với nhiều thay đổi về yêu cầu công nghệ, ... tiếp tục đặt ra bài toán cho ngành.

Trên thế giới, xung đột quân sự, biến động chính trị, bất ổn tiếp tục leo thang tại một số nước;

kinh tế, thương mại toàn cầu phục hồi chậm; tổng cầu, đầu tư sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường tiếp tục đặt ra nhiều thách thức cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Dù vậy, thị trường thế giới vẫn ghi nhận một số điểm sáng quan trọng khi thương mại hàng hóa toàn cầu ổn định trong năm 2024 nhờ nhu cầu tiêu dùng tại một số thị trường lớn đang trên đà phục hồi. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tăng trưởng khối lượng thương mại năm 2024 dự báo đạt khoảng 2,7%. Trong khi Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%, với tăng trưởng GDP tại Hoa Kỳ, Khu vực EU và Trung Quốc lần lượt đạt 2,8%, 0,8% và 2,9%. Bên cạnh đó, lạm phát được kiểm chế, tăng trưởng việc làm ổn định và chính sách tiền tệ ít hạn chế hơn sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu, dù vẫn còn một số trở ngại từ thắt chặt chính sách tài khóa ở nhiều quốc gia.

Kính thưa quý cổ đông,

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024, Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty tiếp tục thể hiện tinh thần đoàn kết, phát huy các phẩm chất, năng lực và trí tuệ ở mức cao nhất, nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp thích ứng với biến động thị trường, quyết tâm thực hiện ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết tâm phát triển sản phẩm mới, tăng cường quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng ngành hàng, từng khu vực nhằm duy trì và phát triển tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh tại thị trường nội địa. Trong năm, dù Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đề ra song hoàn thành đến 190,7% kế hoạch lợi nhuận trước thuế và hoàn thành gần 194,0% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Xét trong bối cảnh thị trường còn nhiều yếu tố bất định và chưa hoàn toàn hồi phục, thành quả này có được là nhờ sự chỉ đạo tích cực, linh hoạt của Ban TGD, nhờ đội ngũ kinh doanh – sản xuất đã rất năng nổ, sáng tạo, nhờ sự đồng lòng và hợp sức của tất cả CBCNV toàn Công ty.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã tích cực đóng góp, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong năm 2024. Công ty hy vọng tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ từ Quý vị không chỉ trong năm 2025 mà còn là sự đồng hành lâu dài trong suốt hành trình phát triển bền vững của công ty.

Do vậy, Ban Lãnh đạo công ty sẽ luôn giữ vị thế chủ động, bám sát tình hình kinh tế thị trường để đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác, sẵn sàng đối đầu với các khó khăn sắp tới. Ban lãnh đạo sẽ phấn đấu để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Hoàng Sơn

TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2020-2024

Các chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.349,3	955,7	915,3	1.197,8	1.027,8
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	216,8	175,7	162,3	165,3	146,1
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	96,5	52,4	38,2	39,1	190,7
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	73,5	40	27,7	29,4	151,6
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.405,3	1.235,4	1.245,0	1.346,8	1.208,9
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	428,2	432,6	439,3	443,3	575,1
Nợ phải trả	Tỷ đồng	977,1	802,8	805,7	903,5	633,9
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	6,94	3,03	2,23	2,27	11,86
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	18,16	9,29	6,35	6,66	29,77

DOANH THU THUẦN

1.027,8 TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

190,7 TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

151,6 TỶ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN

1.208,9 TỶ VNĐ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

575,1 TỶ VNĐ

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

5.403 ĐỒNG/ CỐ PHIẾU

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Tầm nhìn

- Khẳng định vị trí là nhà sản xuất sản phẩm hàng đầu Việt Nam.
- Không ngừng phát triển để trở thành thương hiệu nổi tiếng thế giới.

Sứ mệnh

- Sản xuất các sản phẩm với chất lượng tốt nhất - an toàn.
- Tiên phong trong việc đóng góp vào sự phát triển của ngành sản xuất hàng đầu Việt Nam.
- Luôn tôn trọng lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

Giá trị cốt lõi

- Sản phẩm chất lượng cao, giá trị bền vững
- Sản phẩm đa dạng
- Sản phẩm hướng tới khách hàng

CHƯƠNG II

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 15. Thông tin chung về doanh nghiệp
- 18. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 21. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 25. Giới thiệu ban lãnh đạo
- 31. Định hướng phát triển
- 33. Rủi ro



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024**



THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thông tin khái quát

Việt Nam là một nước nằm trong vùng nhiệt đới, có vùng đất đỏ ở Tây Nguyên rộng lớn nên rất thuận lợi cho việc trồng cây cao su để khai thác mủ và chế biến thành cao su thiên nhiên. Do tầm quan trọng của công nghiệp cao su trong nền kinh tế quốc dân nên ngay sau khi miền Bắc giải phóng (tháng 10/1954) ngày 7/10/1956 xưởng đắp và sảm lốp ô tô được thành lập tại số 2 Đặng Thái Thân và bắt đầu hoạt động vào tháng 11/1956 đến đầu năm 1960 thì sát nhập vào Nhà máy cao su Sao Vàng - tiền thân của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sau này.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chuyên sản xuất các loại sảm lốp: Máy bay, ô tô, xe đặc chủng, xe máy, xe đạp và các sản phẩm cao su kỹ thuật. Được ra đời sớm nhất ngành Công nghiệp cao su Việt Nam, Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng là trung tâm kỹ thuật trong các lĩnh vực:

- Thiết kế và phân tích kết cấu các sản phẩm cao su.
- Thiết lập các công thức pha chế và xây dựng các phương pháp gia công cao su.
- Áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong khảo sát, phân tích và thí nghiệm, nhằm hoàn thiện công nghệ sản xuất.
- Thiết kế, thử nghiệm và chế tạo các phương tiện công nghệ, bao gồm các loại khuôn mẫu, dụng cụ, phụ tùng, máy và thiết bị trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm cao su.

Tên Tiếng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Tên tiếng Anh

SAO VANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ trụ sở chính

Số 231, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh

Xuân, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ

280.657.650.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

280.657.650.000 đồng

Điện thoại

0243 858 3656

Fax

0243 858 3644

Website

<http://src.com.vn/>

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0100100625 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 28/04/2023

Mã cổ phiếu

SRC

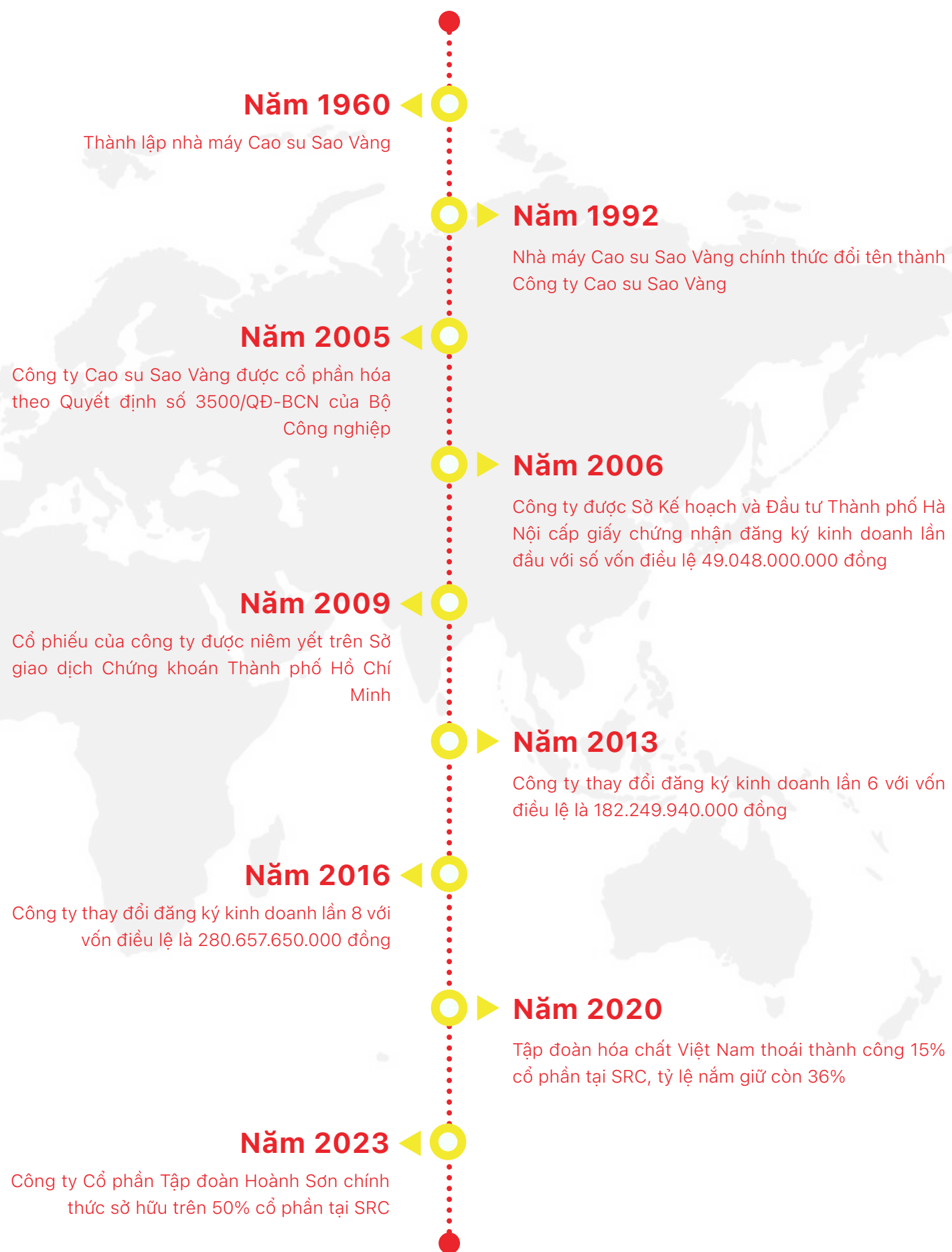
Sàn đăng ký giao dịch

HOSE

Logo công ty



Chặng đường hình thành và phát triển

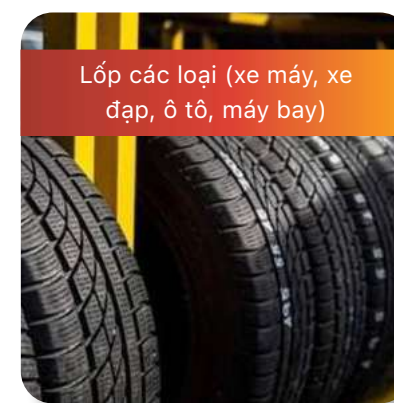


NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su, chế tạo máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su và lốp các loại.

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính



Địa bàn hoạt động

Cùng với Trụ sở chính Hà Nội, Công ty hiện tại có 03 chi nhánh đặt tại Thái Bình, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh cùng 03 cơ sở sản xuất (trong đó có 02 xí nghiệp cao su tại Hà Nội, 01 xí nghiệp luyện cao su tại thành phố Vinh Yên – tỉnh Vĩnh Phúc và 01 xí nghiệp cao su tại chi nhánh Thái Bình). Sản phẩm của SRC hiện có mặt tại 63 tỉnh thành và hơn 17 quốc gia trên Thế giới.



Đại lý khu vực Miền Bắc:

- 25 Đại lý Săm lốp xe đạp
- 35 Đại lý Săm lốp xe máy
- 35 Đại lý Săm lốp ô tô

Đại lý khu vực Miền Trung:

- 08 Đại lý Săm lốp xe đạp
- 10 Đại lý Săm lốp xe máy
- 15 Đại lý Săm lốp ô tô

Đại lý khu vực Miền Nam:

- 13 Đại lý Săm lốp xe đạp
- 13 Đại lý Săm lốp xe máy
- 03 Đại lý Săm lốp ô tô

Thị trường xuất khẩu

Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng không chỉ xây dựng được vị thế là một trong ba doanh nghiệp sản xuất săm lốp hàng đầu tại Việt Nam mà còn từng bước tạo lập uy tín trên thị trường quốc tế. Sản phẩm của Công ty hiện đang được xuất khẩu đến 17 quốc gia, trong đó thị trường đóng góp tỷ trọng lớn nhất là Afganistan với sản phẩm xuất khẩu chủ đạo là lốp xe đạp và Malaysia với sản phẩm chủ lực là lốp xe ô tô.

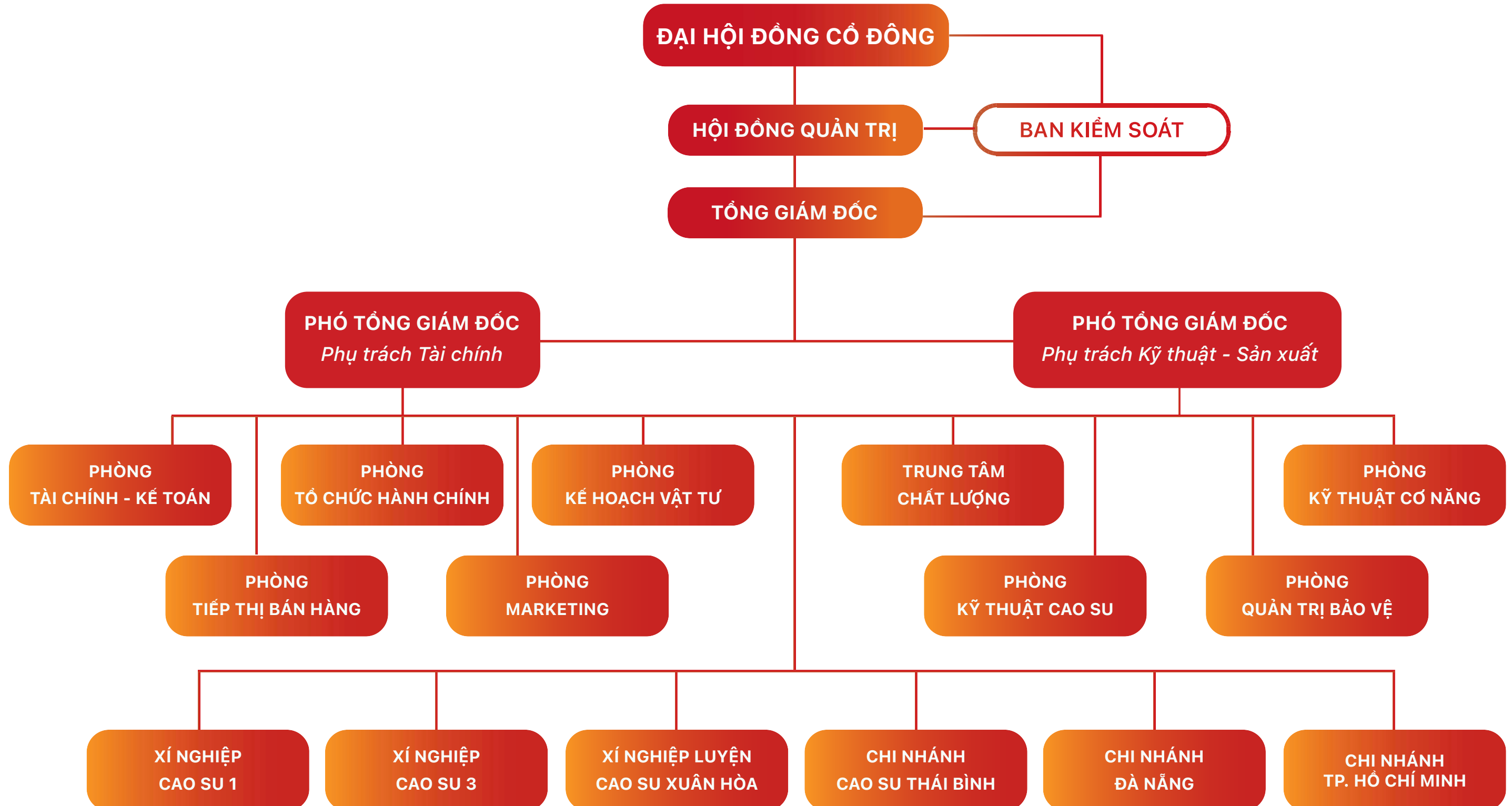


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Hiện nay, SRC đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Sơ đồ tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng không có công ty con.

Công ty liên kết

STT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của SRC
1	Công ty TNHH Sao Vàng Hoàn Sơn	Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	500	26%
2	Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàn Sơn	Khối hành chính dịch vụ, KCN cảng biển Vũng Áng, Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Sản xuất sắt, lớp cao su	1225	30,6%

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của SRC
1	Công ty CP Philips Carbon Black	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A - Huyện Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất muội than	120,16	7%



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PHẠM HOÀNH SƠN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vũng Áng
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sao Vàng - Hoàn Sơn



ÔNG NGUYỄN VIỆT HÙNG

THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư điện, Kỹ sư Tin học

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 12 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có



ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG

THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 7 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH SƠN

THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc - Công ty

TNHH Tư vấn, thiết kế Phú Xuân



ÔNG LƯƠNG XUÂN HOÀNG

THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN TRUNG HÒA

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có



BÀ VŨ THỊ MAI NHUNG

THÀNH VIÊN BKS

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 1 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Chuyên viên

Ban kế hoạch kinh doanh - Tập đoàn Hóa chất Việt

Nam, Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Pin Ấc Quy

miền Nam



ÔNG HOÀNG VĂN HÒA

THÀNH VIÊN BKS

Năm sinh: 1989

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN VIỆT HÙNG

(Đã giới thiệu ở mục HĐQT)



ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG

(Đã giới thiệu ở mục HĐQT)



ÔNG NGUYỄN QUANG HÀO

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa polyme

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 8 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển dài hạn

- Khẳng định vị thế là nhà cung cấp lốp xe và các sản phẩm cao su kỹ thuật hàng đầu Việt Nam.
- Tăng cường xuất khẩu và từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Nâng cao công nghệ sản xuất và mở rộng phân khúc sản phẩm.

Định hướng phát triển trung hạn

- Định hướng về chiến lược sản phẩm: Khai thác triệt để các dòng sản phẩm đang có doanh thu tốt trên thị trường, ngoài ra tập trung đầu tư công nghệ sản xuất các sản phẩm mới như: lốp ô tô radial, lốp xe không săm, lốp xe đặc chủng, xe tải cỡ lớn ...
- Định hướng phát triển thị trường: Giữ vững thị phần nội địa đối với các sản phẩm thế mạnh đồng thời nâng cao giá trị xuất khẩu thông qua mở rộng hợp tác tại các thị trường thế mạnh và tận dụng các hiệp định tự do thương mại (FTA)
- Định hướng về chất lượng: tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.
- Định hướng về chiến lược kinh doanh: Tiếp tục gia tăng số lượng đại lý, nhà phân phối tại các tỉnh chưa có hoặc còn hạn chế. Đồng thời, thường xuyên đánh giá hiệu suất của từng đại lý, sàng lọc các đại lý yếu kém, thay thế bằng các đối tác có năng lực mạnh hơn.
- Chú trọng thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh song song với các mục tiêu phát triển bền vững.

Các mục tiêu cụ thể giai đoạn 2024-2025

- Mục tiêu sản xuất: Đảm bảo các chi nhánh, xí nghiệp sản xuất hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả; đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động R&D, phát triển sản phẩm săm lốp radial.
- Mục tiêu phát triển thị trường:
 - » Thị trường nội địa: Giữ vững vị thế thương hiệu Cao su Sao Vàng là một thương hiệu quốc gia, là lựa chọn tin cậy của người tiêu dùng Việt. Duy trì, mở rộng hệ thống đại lý trên cả nước.
 - » Thị trường xuất khẩu:
 - ◊ Tăng cường quan hệ thương mại với các thị trường truyền thống, trong đó, tiếp tục củng cố và mở rộng thị phần tại thị trường Châu Á như Afganistan và Malaysia.
 - ◊ Theo dõi, nghiên cứu và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết (bao gồm các hiệp định EVFTA, CPTPP, RCEP) để gia tăng giá trị xuất khẩu.
- Mục tiêu doanh thu – lợi nhuận: Hoàn thành mục tiêu doanh thu 2.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 100 tỷ đồng.
- Mục tiêu phát triển bền vững:
 - » Đầu tư hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đồng thời tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn xanh theo quy chuẩn và xu hướng quốc tế.
 - » Đảm bảo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động.
 - » Chú trọng phát triển năng lực của đội ngũ quản lý, công nhân kỹ thuật cao và các bộ phận hỗ trợ nhằm xây dựng lực lượng kế cận có chuyên môn vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt.
 - » Tiếp tục đóng góp vào sự phát triển kinh tế các địa phương có cơ sở sản xuất, đồng hành và chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng.



01

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, tình hình thế giới biến động phức tạp, khó lường, kinh tế, thương mại thế giới phục hồi chậm và không đồng đều giữa các quốc gia, cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột leo thang đặt ra nhiều rủi ro cho những quốc gia có độ mở thương mại lớn, bao gồm Việt Nam. Đối với khối ngành sản xuất, các rủi ro hiện hữu từ biến động kinh tế thế giới bao gồm: thay đổi, thắt chặt chính sách thương mại tại các thị trường lớn, chuỗi cung ứng hoạt động đình trệ, thiếu hiệu quả giữa các quốc gia do các chính sách bảo hộ mới, gia tăng chi phí đầu vào, gia tăng áp lực cạnh tranh, rủi ro từ bất ổn trong an ninh năng lượng,

Trong nước, Chính phủ đặt ra mục tiêu “ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và giữ được tăng trưởng” song hậu quả của cơn bão số 3 trong tháng 9 tại các tỉnh, thành phố phía Bắc đã phần nào ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trong nước nói chung và sản xuất công nghiệp nói riêng. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn ghi nhận tốc độ tăng trưởng đáng tự hào với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 ước tính đạt 7,09%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra trong khi tiếp tục kiểm soát tốt lạm phát với chỉ số tăng trưởng CPI bình quân năm tăng ở mức 3,63%, thấp hơn mức lạm phát dự kiến đầu năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất - xuất khẩu trong năm cũng đạt nhiều thành tựu đáng kể, tạo tiền đề tăng trưởng cho năm kế tiếp.

Bước sang năm 2025, ngành sản xuất nói chung và ngành sản xuất sẫm lốp Việt Nam nói riêng được dự báo sẽ tiếp tục đối diện với nhiều thách thức từ tình hình quốc tế trên nhiều phương diện cũng như những khó khăn từ vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam, đòi hỏi những biện pháp linh hoạt và chủ động từ Chính phủ để hỗ trợ các Doanh nghiệp.

Để giảm thiểu các rủi ro từ bất ổn kinh tế, ban lãnh đạo Công ty phải thường xuyên cập nhật thông tin, nhanh chóng nắm bắt các diễn biến mới trên thị trường, từ đó đưa ra các quyết sách, định hướng kinh doanh và các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp.

02

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tỷ giá: Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (SRC) phải đối mặt với rủi ro tỷ giá hối đoái do có trên 20% doanh thu đến từ xuất khẩu sang các nước đồng thời hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài. Sự biến động của tỷ giá có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu, từ đó tác động đến giá vốn hàng bán và giá trị xuất khẩu, từ đó tác động lên doanh thu, lợi nhuận của công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, ban lãnh đạo Công ty thường xuyên theo dõi và giao các bộ phận liên quan như phòng Xuất khẩu và phòng Tài chính kế toán thực hiện

Năm 2024, tình hình thế giới biến động phức tạp, khó lường, kinh tế, thương mại thế giới phục hồi chậm và không đồng đều giữa các quốc gia, cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột leo thang đặt ra nhiều rủi ro cho những quốc gia có độ mở thương mại lớn, bao gồm Việt Nam. Đối với khối ngành sản xuất, các rủi ro hiện hữu từ biến động kinh tế thế giới

tốt công tác dự báo thị trường, dự báo nhu cầu nguyên vật liệu để đảm bảo cân đối nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng ngoại tệ để hạn chế những bị động khi tỷ giá điều chỉnh cũng như khi thị trường nguyên vật liệu thế giới biến động.

Rủi ro lãi suất: Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (SRC) phải đối mặt với rủi ro lãi suất do cơ cấu nợ vay trong hoạt động tài chính của mình. Sự biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng đến chi phí lãi vay, từ đó tác động đến lợi nhuận và dòng tiền của công ty.

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản của SRC đạt 1.208,9 tỷ đồng, trong khi nợ phải trả là gần 634,0 tỷ đồng, gấp khoảng 1,10 lần vốn chủ sở hữu. Tổng các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty là 257,8 tỷ đồng, chiếm 21,3% tổng nguồn vốn của Công ty. Điều này cho thấy công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức đáng kể, do đó, biến động lãi suất có thể ảnh hưởng lớn đến chi phí tài chính.

Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho Kế toán trưởng và Phòng Tài chính – Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của lãi suất, xem xét các biện pháp như tái cơ cấu nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

03

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 – 75% giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, giá thành các nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài cao su tự nhiên được mua từ các đối tác trong nước với nguồn cung khá dồi dào thì hầu hết các nguyên liệu khác đều phải nhập khẩu nên chi phí nguyên vật liệu phụ thuộc rất lớn vào biến động giá nguyên vật liệu thế giới. Trong năm 2024, giá cao su có xu hướng tăng và neo ở mức cao xuyên suốt cả năm nguyên nhân là do thiếu hụt nguồn cung được thúc đẩy

bởi diễn biến thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến sản lượng.

Để đối phó với rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào biến động, SRC có dự trữ một lượng hàng tồn kho nhằm duy trì ổn định giá vốn hàng bán. Cùng với đó, công ty đã duy trì các mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng đảm bảo, giá cạnh tranh. Đầu tư nghiên cứu công tác dự báo và thông tin đối thủ cạnh tranh để xây dựng được chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý.

04

RỦI RO CẠNH TRANH

Thị trường trong nước

Ngoài các doanh nghiệp nội địa như Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam (CSM) và CTCP Cao su Đà Nẵng (DRC), Công ty còn đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá bán rẻ tràn vào Việt Nam đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Công ty. Trong những tháng cuối năm 2024, các tập đoàn thế giới như Công ty TNHH Lốp Kumho Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Kumho Tire tại Hàn Quốc), Tập đoàn HAOHUA

(Trung Quốc), Công ty TNHH Sailun Việt Nam (Trung Quốc), Công ty TNHH Lốp Advance Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam nhằm xây dựng, nâng công suất sản xuất lốp xe càng làm gia tăng áp lực cạnh tranh trong nước. Sự đa dạng của dãy sản phẩm cùng loại giữa các doanh nghiệp sẫm lốp, đặc biệt là phân khúc giá rẻ đã đẩy các doanh nghiệp cạnh tranh về giá bán. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn do sức cầu

của thị trường vẫn còn yếu, trong khi xu hướng tiêu dùng chuyển sang các dòng sản phẩm yêu cầu hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao hơn như lốp Radial, lốp không săm, ... đặt sản phẩm SRC trong vòng cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty sản xuất sản phẩm cùng loại và hàng nhập khẩu.

Đối với thị trường xuất khẩu

Đối với thị trường Châu Âu, hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) mà Việt Nam đã kí kết với ưu đãi giảm thuế nhập khẩu về 0% trong vòng 7 năm đối với phụ tùng ô tô, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản phẩm ô tô của Công ty tại thị trường này. Tuy nhiên, lốp xe nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn Emark và chứng nhận Reach, đây sẽ là thử thách không nhỏ cho các doanh nghiệp muốn tìm kiếm cơ hội ở thị trường khó tính này.

05

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác. Năm 2024, Ủy ban Chứng khoán nhà nước tiếp tục tái cấu trúc Thị trường chứng khoán, tăng cường công tác quản lý công ty đại chúng và các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ban hành nhiều văn bản pháp luật mới bao gồm các văn bản sửa đổi Luật Chứng khoán, bổ sung quy định liên quan đến công bố thông tin, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động

thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm trong bối cảnh các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán ngày càng tinh vi, phức tạp. Do đó, Công ty cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện theo đúng những quy định đã được ban hành.

06

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững đi kèm với bảo vệ môi trường luôn là mối quan tâm được doanh nghiệp đặt lên hàng đầu. Các phế phẩm, khí thải, nước thải từ quá trình sản xuất sản phẩm luôn được doanh nghiệp quan tâm xử lý đúng với quy định của nhà nước, sao cho ảnh hưởng đến môi trường xung quanh ở mức tối thiểu. Ngoài ra, công ty còn có những chính sách tái chế, tái sử dụng một số các nguyên liệu đầu vào vừa bảo vệ môi trường vừa tiết kiệm chi phí đầu vào.

07

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG KHÁC

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý trí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra.



CHƯƠNG III

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 39. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 41. Tổ chức và nhân sự
- 43. Tình hình thực hiện dự án đầu tư
- 44. Tình hình tài chính
- 47. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

DVT: Triệu đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1.197.750	1.027.780	-14,2%
Giá vốn hàng bán	1.032.451	881.653	-14,6%
Lợi nhuận gộp	165.299	146.127	-11,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.650	5.260	218,8%
Chi phí tài chính	20.951	24.274	15,9%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	16.010	15.350	-4,1%
Chi phí bán hàng	33.672	35.471	5,3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	74.667	63.612	-14,8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37.660	28.030	-25,6%
Lợi nhuận khác	1.396	162.635	11550,1%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.055	190.665	388,2%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.401	151.640	415,8%

Về cơ cấu doanh thu

- Doanh thu thuần năm 2024 đạt hơn 1.027,8 tỷ đồng, giảm 14,2% so với năm 2023. Trong đó, doanh thu hàng xuất khẩu đạt 216,9 tỷ đồng, tăng 33,4% so với kết quả năm 2023. Kết quả này phản ánh bức tranh thị trường 2024 khi mà:
 - Nhu cầu sắm lốp trên thế giới tăng trưởng tích cực, được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng cao đối với các loại lốp xe chất lượng cao, đặc biệt là lốp hiệu suất cao chủ yếu do sự phục hồi và phát triển của ngành công nghiệp ô tô toàn cầu và các chính sách hỗ trợ từ các chính phủ trên thế giới. Theo báo cáo của tổ chức nghiên cứu thị trường độc lập Mordor Intelligence, quy mô thị trường lốp xe hiệu suất cao ước tính đạt 58,08 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 89,65 tỷ USD vào năm 2029. Theo dự báo của S&P Global Mobility, doanh số bán xe ô tô toàn cầu dự kiến đạt 89,6 triệu xe trong năm 2025, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Dù thị trường quốc tế mở ra nhiều cơ hội, song các doanh nghiệp trong nước vẫn phải giải quyết bài toán về rào cản kỹ thuật, các tiêu chuẩn khắt khe hơn từ đối tác quốc tế và các chính sách bảo hộ, hàng rào mới đối với xuất khẩu.
 - Trong nước, điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định có ý nghĩa quan trọng đối với khối ngành sản xuất. Tính chung năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,4% so với năm trước, trong khi năm 2023 tăng 1,3 điểm phần trăm so với năm trước và tăng cao hơn mức tăng 7,4% của năm 2022. Nhiều ngành quan trọng thuộc khu vực công nghiệp chế biến - chế tạo cũng tăng cao so với năm 2023, trong đó: Sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng 24,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 21,1%. Các mặt hàng như ô tô, thép, sản phẩm điện tử tăng cao, tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) và sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu tạo điều kiện cho gia tăng sản xuất. Dù vậy, kết quả kinh doanh tại thị trường nội địa của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh khốc liệt bởi các sản phẩm sắm lốp trong và ngoài nước, xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial và lốp xe máy không sắm dần thay thế lốp có săm. Trong khi đó, Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm lốp ô tô radial, các sản phẩm lốp chưa thực sự cạnh tranh, phong phú về chủng loại so với các đối thủ cùng ngành và sản lượng chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường.

- Ở chiều ngược lại, doanh thu từ hoạt động tài chính và các khoản lợi nhuận khác là những yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến biên lợi nhuận ròng của Công ty, lần lượt đạt 5,3 tỷ đồng (cao gấp 3,2 lần so với năm 2023) và 162,6 tỷ đồng (tăng mạnh so với mức 1,4 tỷ đồng trong năm 2023) tổng cộng chiếm 14,0% tổng các nguồn thu, tăng so với tỷ trọng tương ứng là 0,3% trong năm 2023.

DOANH THU THUẦN



DOANH THU HÀNG XUẤT KHẨU



Về cơ cấu chi phí

Giá vốn hàng bán và một số chỉ tiêu chi phí hoạt động quan trọng của doanh nghiệp ghi nhận diễn biến đáng chú ý như sau:

- Giá vốn hàng bán của Công ty là gần 881,7 tỷ đồng, giảm 14,6% so với năm 2023 và tương ứng 85,8% doanh thu thuần (so với tỷ trọng tương ứng 86,2% trong cùng kỳ năm trước).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 63,6 tỷ đồng, giảm 14,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 6,2% doanh thu thuần (tương đương tỷ trọng trong năm 2023).
- Chi phí bán hàng là 35,5 tỷ đồng, tăng 5,3% so với năm 2023 và chiếm xấp xỉ 3,5% trong doanh thu thuần toàn Công ty (so với tỷ trọng tương ứng 2,8% trong năm 2023).
- Chi phí tài chính là gần 24,3 tỷ đồng, tăng 15,9% so với năm 2023 và chiếm 2,4% trên doanh thu thuần toàn Công ty (tăng so với tỷ trọng tương ứng 1,7% trong năm 2022).

GIÁ VỐN HÀNG BÁN



CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP



CHI PHÍ BÁN HÀNG



CHI PHÍ TÀI CHÍNH



Các chỉ tiêu về lợi nhuận

- Kết thúc năm 2024, Công ty ghi nhận gần 146,1 tỷ đồng trong lợi nhuận gộp, giảm 11,6% so với cùng kỳ 2023. Giá vốn hàng bán giảm nhanh hơn Doanh thu đã khiến biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 13,8% vào năm 2023 lên mức 14,2% vào năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 151,6 tỷ đồng, cao gấp 5,2 lần so với kết quả năm 2023. Biên lợi nhuận sau thuế đạt 14,8%, so với mức 2,5% của năm trước nhờ ghi nhận sự đóng góp quan trọng khoản lợi nhuận khác trị giá 160,1 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam trong nửa đầu năm (thu nhập từ việc chuyển nhượng: 303,8 tỷ đồng, trong đó giá trị còn lại của khu đất là 140,7 tỷ và chi phí chuyển nhượng: 3,04 tỷ đồng).

LỢI NHUẬN GỘP



LỢI NHUẬN SAU THUẾ



Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Kết thúc năm, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã nỗ lực hoàn thành phần lớn kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đề ra. Cụ thể, doanh thu tiêu thụ của Công ty đạt hơn 1.063,4 tỷ đồng, trong đó, doanh thu sản xuất công nghiệp đạt 852,1 tỷ đồng, hoàn thành 87,85% kế hoạch đề ra trong khi doanh thu thương mại và khác đạt 211,2 tỷ đồng, hoàn thành 20,5% kế hoạch đề ra; lợi nhuận trước thuế đạt gần 190,7 tỷ đồng, vượt 90,7% so với kế hoạch đề ra; lợi nhuận sau thuế đạt 151,6 tỷ đồng, vượt 93,9% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% Thực hiện 2024/ Kế hoạch 2024
Doanh thu	Tỷ đồng	2.000	1.063,4	53,17%
- Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	970	852,1	87,85%
- Doanh thu thương mại, khác	Tỷ đồng	1.030	211,8	20,51%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	190,7	190,70%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	78,8	151,6	192,38%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số lao động của Công ty là 745 người. Cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	149	19,43%	151	20,27%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	114	14,86%	118	15,84%
3	Lao động phổ thông	504	65,71%	476	63,89%
II	Theo đối tượng lao động				
1	Lao động toàn thời gian	767	100,00%	745	100,00%
III	Theo giới tính				
1	Nam	529	68,97%	514	68,99%
2	Nữ	238	31,03%	231	31,01%
	Tổng cộng	767	100%	745	100%

Năm 2024, số lượng lao động của Công ty giảm so với năm 2023 là 22 lao động, toàn bộ là lao động làm việc toàn thời gian. Cán bộ, nhân viên của SRC có trình độ từ cao đẳng trở lên chiếm tỷ lệ trên 36,0% tổng số lao động, thể hiện rõ chủ trương tập trung nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực để phát triển doanh nghiệp của Công ty. Cơ cấu lao động theo giới tính của SRC không có quá nhiều biến động trong năm 2023 với tỷ lệ lao động nữ luôn ở trên mức 30%, phù hợp với chủ trương bình đẳng giới trong các chính sách nhân sự của Công ty.

Thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2024, không có sự thay đổi trong cơ cấu ban điều hành Công ty.

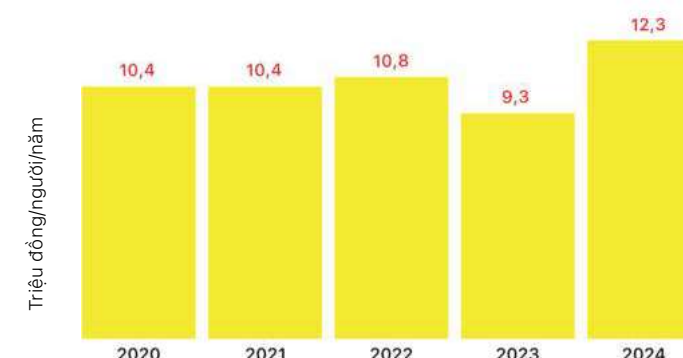
Tóm tắt chính sách nhân sự

Về chính sách đối với người lao động, SRC luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước.

• Chính sách tiền lương, thưởng

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Thu nhập bình quân của người lao động trong giai đoạn 2020-2024



• Chính sách đào tạo

Công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

• Chế độ bảo hiểm

Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước.

• Chế độ phúc lợi

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm, ...

• Chế độ chăm sóc sức khỏe

Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

• Các chế độ khác

CBCNV luôn được Công ty tạo điều kiện trong việc cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động....

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tình hình thực hiện dự án đầu tư

- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất sắn lớp Cao Su Sao Vàng tại Hà Tĩnh**
Đến thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty CP Cao Su Sao Vàng đã góp 30,6% vốn tương đương 375.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàng Sơn – Chủ đầu tư của dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sắn lớp Cao Su Sao Vàng tại Hà Tĩnh. Công ty vẫn đang trong quá trình lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt. Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản góp vốn trên là 1,6 tỷ đồng.
- Dự án di dời và sản xuất lốp Radial tại Hà Nam**
Theo nghị quyết số 138/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2021 của HĐQT, Công ty chấm dứt dự án đầu tư Nhà máy Cao su Sao vàng tại Hà Nam và chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Hà Nam cho đơn vị khác.
- Dự án Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không sắn tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa**
Đã lập xong Báo cáo khả thi và được cấp Giấy phép xây dựng. Hiện Công ty đang làm các thủ tục để lựa chọn nhà thầu thi công dự án.

Hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết

- Công ty con: Không có
- Công ty liên kết:

Công ty TNHH Sao Vàng Hoàng Sơn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 2024 (triệu đồng)
1	Tổng tài sản	563.137,1
2	Doanh thu thuần	1.117,7
3	Giá vốn hàng bán	1.432,7
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.477,1
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	3.146,9
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.984,8)
7	Lợi nhuận khác	(15,2)
8	Lợi nhuận trước thuế	(1.999,9)
9	Lợi nhuận sau thuế	(1.999,9)

Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàng Sơn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả 2024 (triệu đồng)
1	Tổng tài sản	1.286.704,7
2	Doanh thu thuần	176.847,9
3	Giá vốn hàng bán	176.774,3
4	Doanh thu hoạt động tài chính	14,2
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	5.319,7
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.231,9)
7	Lợi nhuận khác	(9,3)
8	Lợi nhuận trước thuế	(5.241,2)
9	Lợi nhuận sau thuế	(5.241,2)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tóm tắt tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.346,8	1.208,9	-10,2%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.197,8	1.027,8	-14,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	37,7	28,0	-25,6%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	1,4	162,6	11550,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	39,1	190,7	388,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	29,4	151,6	415,8%
Lợi nhuận trả cổ tức (tiền mặt/ cổ phiếu)	Tỷ đồng	22,5	16,8	-25,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	6	6 (dự kiến)	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
Nhóm chỉ số thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	1,14
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,62
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,05	0,06
Nhóm chỉ số cơ cấu vốn			
Nợ/ Tổng tài sản	%	67,08	52,43
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	203,81	110,23
Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản	%	34,98	21,32
Nhóm chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,74	3,68
Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	97,50	99,11
Vòng quay khoản phải thu bình quân	Vòng	4,95	3,39
Số ngày phải thu bình quân	Ngày	73,69	107,63
Vòng quay khoản phải trả bình quân	Vòng	10,75	7,29
Số ngày phải trả bình quân	Ngày	33,95	50,04
Số ngày chuyển đổi tiền mặt	Ngày	137,23	156,70
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,92	0,80
Nhóm chỉ số khả năng sinh lợi			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	13,80	14,22
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	%	3,14	2,73
Tỷ suất LNST	%	2,45	14,75
ROAA	%	2,27	11,87
ROAE	%	6,66	29,78

• Nhóm chỉ số thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2024, hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty đạt 1,14 lần, tăng nhẹ so với chỉ số tương ứng tại thời điểm 31/12/2023 là 1,02 lần và vượt trên ngưỡng tiêu chuẩn là 1, cho thấy khả năng sử dụng các tài sản ngắn hạn để thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn trong vòng 1 năm của Công ty được đảm bảo. Tỷ số thanh toán nhanh đạt 0,62 lần, giảm so với thời điểm cuối năm 2023 cho thấy khoảng 62% các khoản nợ ngắn hạn của Công ty có thể được thanh toán gần như ngay lập tức từ nguồn tài sản ngắn hạn mà không cần phải thanh lý hàng tồn kho. Hệ số thanh toán bằng tiền không có thay đổi lớn, giao động quanh ngưỡng 0,05-0,06 lần.

• Nhóm chỉ số cơ cấu vốn:

Tại thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ Nợ/ Tổng tài sản và tỷ lệ Nợ/ Vốn chủ sở hữu của SRC lần lượt là 52,4% và 110,2%, đồng thời giảm so với thời điểm 31/12/2023. Chỉ tiêu Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2024 là 21,3%, giảm mạnh so với tỷ suất tương ứng là 34,98% tại 31/12/2023, cho thấy khoảng 1/5 giá trị tài sản của công ty hiện đang được tài trợ bởi nợ vay có phát sinh lãi. Nhìn chung, trong năm 2024, mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính đã được Công ty kiểm soát chặt chẽ và đạt một hệ số an toàn hơn.

• Nhóm chỉ số hiệu quả hoạt động:

Trong năm 2024, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của SRC là 3,7 vòng, tương ứng 99 ngày trong một kỳ luân chuyển hàng tồn kho, tăng gần 2 ngày so với cùng kỳ 2023. Số vòng quay khoản phải thu bình quân của Công ty là 3,4 vòng, tương ứng 107,6 ngày trong chu kỳ phải thu, tăng gần 34 ngày so với giai đoạn cùng kỳ 2023 cho thấy SRC đang phải nới lỏng thanh toán cho khách hàng. Số vòng quay các khoản phải trả của công ty là 7,3 vòng. Theo đó, trong năm 2024, một kỳ phải trả bình quân kéo dài xấp xỉ 50 ngày, tăng khoảng 16 ngày so với năm 2023. Như vậy, chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của SRC kéo dài 157 ngày, tăng 20 ngày so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do có kỳ phải thu kéo dài hơn.

Chỉ số hiệu quả sử dụng tài sản đạt 0,80 lần trong năm 2024, giảm so với mức 0,92 lần trong năm 2023 cho thấy hiệu quả sử dụng dây chuyền máy móc giảm xuống. Đây là kết quả dễ hiểu khi năng suất dây chuyền, máy móc không đạt mức tối đa trong bối cảnh thị trường chưa hoàn toàn khôi phục.

• Nhóm chỉ số khả năng sinh lợi:

Trong năm 2024, tỷ suất lợi nhuận gộp của SRC đạt 14,2%, có sự cải thiện nhẹ so với năm 2023 nhờ các nỗ lực kiểm soát giá vốn hàng bán của Công ty. Dù vậy, tỷ suất lợi nhuận hoạt động giảm nhẹ từ 3,1% trong năm 2023 xuống 2,7% trong năm 2024 do tỷ trọng các chi phí hoạt động/doanh thu thuần có xu hướng tăng lên. Kết thúc năm, Công ty ghi nhận tỷ suất lợi nhuận sau thuế tăng mạnh từ 2,5% trong năm 2023 lên gần 14,8% trong năm 2024 nhờ ghi nhận khoản lợi nhuận lớn từ việc chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam.

Các tỷ suất ROAA và ROAE đồng thời bật tăng mạnh so với 2023, lần lượt đạt 11,9% và 29,8%. Nguyên nhân là do LNST tăng đột biến so với tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu trong Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tính đến hết ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã phát hành 28.065.765 cổ phiếu. Trong đó:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng	
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	
Mã chứng khoán	SRC	
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu	
Ngày bắt đầu niêm yết	07/10/2009, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán SRC.	
Số cổ phiếu phổ thông	28.065.765	cổ phiếu
Số cổ phiếu ưu đãi	0	cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	2.397	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	28.055.467	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	10.298	cổ phiếu
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024	Không	

Các chứng khoán khác

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

Cơ cấu cổ đông

STT	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng	Cơ cấu cổ đông (người)	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu	28.065.765	100%	1.820	34	1.786
Cổ đông nhà nước (*)	10.104.115	36%	1	1	0
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	24.197.405	86,22%	2	2	0
- Trong nước	24.197.405	86,22%	2	2	0
- Nước ngoài	0	0	0	0	0

Cổ đông khác	3.842.189	13,69%	1.815	29	1.786
- Trong nước	3.815.432	13,59%	1.795	20	1.775
- Nước ngoài	26.757	0,10%	20	9	11
Công đoàn Công ty	23.774	0,08%	2	2	0
Cổ phiếu quỹ	2.397	0,01%	1	1	0

(*) Cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của SRC chốt ngày 18/09/2024

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Công ty có giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%.

Danh sách cổ đông lớn

Trong năm 2024, không có sự thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn tại Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Cá nhân/ tổ chức	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ngày chốt danh sách sở hữu
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0100100061	19/11/2021	10.104.115	36,00	18/9/2024
2	Công ty CP Tập đoàn Hoàng Sơn	3000244065	11/5/2022	14.093.290	50,22	18/9/2024

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của SRC chốt ngày 18/09/2024

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Thời điểm	Vốn điều lệ	Nội dung tăng vốn
04/2006	49.049.000.000	Cổ phần hóa công ty
10/2006	80.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 63%
02/2007	88.000.000.000	Chia 5,48 tỷ đồng cổ tức bằng cổ phiếu (theo mức 12,3% cho 9 tháng hoạt động 2006) Thưởng 2,52 tỷ đồng bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 32:1 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thuế TNDN được miễn năm 2006
06/2007	108.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 22,72%
2010	162.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và thưởng cho cổ đông hiện hữu
2013	182.249.940.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2015	200.474.150.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2016	280.657.650.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

CHƯƠNG IV

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 51. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
- 55. Tình hình tài chính
- 57. Phương hướng phát triển năm 2025
- 59. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)
- 59. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CAO SU SAO V
RUBBER JS COMPANY

SRC

con đư



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Tình hình hoạt động năm 2024

Tình hình thế giới năm 2024 chuyển biến nhanh, phức tạp, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt dự báo; đan xen những mặt tích cực lẫn tiêu cực tác động đến việc phục hồi phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia, dân tộc.

Tuy nhiên trong nước tình hình kinh tế - xã hội vẫn có nhiều điểm sáng trên nhiều lĩnh vực như: Sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư, xuất nhập khẩu, lượng khách quốc tế đến Việt Nam... Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt quy mô và tốc độ tăng cao hơn so với cùng kỳ các năm trước nhưng chỉ là điểm sáng của một số mặt hàng và dịch vụ.

Với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm Cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cao su Sao Vàng còn gặp nhiều khó khăn như:

- » Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm sẫm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam.
- » Xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này.
- » Rào cản kỹ thuật, cũng như suy giảm nhu cầu ở thị trường quốc tế làm giảm sản lượng xuất khẩu ở thị trường quốc tế, trong khi các nước gia tăng tiêu chuẩn, hàng rào mới đối với xuất khẩu.

Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả rất tích cực thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	% so với KH năm 2024	% so với thực hiện năm 2023
I- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)	Tỷ đồng	350	285,3	81,5	107,9
II- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	1.010	811,6	80,3	101,3
III- Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	2.000	1.063,4	53,1	86,1
Trong đó: DT SXCN	Tỷ đồng	970	852,1	87,8	102,0
DT thương mại, DT khác	Tỷ đồng	1.030	211,3	20,5	52,8
IV- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	190,7	190,74	488,97
V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu					
1- Lốp xe đạp	Chiếc	5.000.000	4.086.704	81,7	101,1
2- Săm xe đạp	Chiếc	4.500.000	4.035.437	89,6	100,4
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.530.000	1.194.399	78,0	111,7
4- Săm xe máy	Chiếc	5.500.000	4.762.496	86,5	116,8
5- Lốp ô tô	Chiếc	210.800	176.457	83,7	103,4
6- Săm ô tô	Chiếc	210.000	157.905	75,1	103,9
7- Yếm ô tô	Chiếc	110.000	98.065	89,1	124,6

VI- Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu

1- Lốp xe đạp	Chiếc	4.868.614	4.138.791	85,0	97,8
2- Săm xe đạp	Chiếc	4.492.482	4.247.739	94,5	104,9
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.344.062	1.234.551	91,8	112,3
4- Săm xe máy	Chiếc	5.282.095	4.822.580	91,3	101,5
5- Lốp ô tô	Chiếc	216.155	178.572	82,6	92,1
6- Săm ô tô	Chiếc	206.338	162.582	78,7	98,3
7- Yếm ô tô	Chiếc	107.541	85.921	79,9	119,0

Đánh giá của Ban điều hành về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024

Công tác quản lý điều hành sản xuất

Các mặt đã làm được:

- Tập thể lãnh đạo Công ty, Ban điều hành, cán bộ quản lý trong Công ty nhận thức rõ và đề ra các biện pháp từng bước giải quyết khắc phục các yếu kém tồn tại trong công tác quản trị Công ty như: khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chi phí, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm điều chỉnh giá thành sản phẩm phù hợp với thị trường, hợp lý hóa sản xuất. Tổ chức, bổ sung các quy định quy chế hiện có để kiểm soát việc mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng. Đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tích cực tìm thêm các nhà cung cấp mới, nhà cung cấp trong nước các vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.
- Với những khó khăn trong công tác tiêu thụ, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, mục tiêu cho từng tháng, từng quý và phấn đấu thực hiện. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án tiếp cận khách hàng mới nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.
- Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

Các mặt tồn tại trong công tác điều hành:

- Chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lốp (Độ mài mòn nhanh, ngoại quan sản phẩm chưa bắt mắt).
- Công tác nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm mới chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường.

Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

- Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng tiền lương, đơn giá tiền lương, đảm bảo ổn định thu nhập và ngày càng được cải thiện tạo tiền đề cho người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo qui định đối với người lao động.
- Tổ chức thực hiện triển khai công tác Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của Nhà nước và Công ty.
- Trong năm 2024, lao động toàn Công ty có 745 người tính đến ngày 31/12/2024.
- Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng năm 2024 của người lao động là: 12,311 triệu đồng/tháng (tăng 119,6 % so với năm 2023). Thu nhập của người lao động tăng tuy nhiên với tỷ lệ nhỏ và vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung khu vực.

Công tác thị trường

Thị trường nội địa:

Căn cứ bảng so sánh kết quả tiêu thụ năm 2024 so với năm 2023 thì doanh thu nội địa tăng 7,66%, đa số các ngành hàng tăng trưởng 2 con số như: lốp xe đạp tăng 15,3%, săm xe đạp tăng 9,79%, lốp xe máy tăng 15,3%, ... ô tô tải nhẹ tăng 4,82%. Qua kết quả tiêu thụ nội địa năm 2024, trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam đang khó khăn, nhiều ngành hàng đi xuống nhưng chúng ta vẫn duy trì tăng trưởng, đây cũng là tiền đề để thị trường nội địa đặt ra nhiều mục tiêu cao hơn trong năm 2025.

- Thị trường lốp ô tô mặc dù trong năm 2024 gặp nhiều khó khăn khi nhu cầu thị trường suy giảm tuy nhiên doanh thu tiêu thụ lốp ô tô lần đầu tiên trong nhiều năm có tăng trưởng 3,8%, điều đó có nghĩa là thị trường tiêu thụ ô tô trên hệ thống nhà phân phối tư nhân có cải thiện rõ rệt và đem lại kết quả chấp nhận được trong bối cảnh khó khăn chung tuy nhiên so với các đối thủ và nhu cầu thị trường thì tình hình tiêu thụ ô tô còn quá nhiều việc phải làm, phải triển khai trong năm 2025.
- Thị trường xe đạp, xe máy với kết quả đạt được trong năm 2024 là điểm sáng trên toàn hệ thống với nhiều thành công lớn cả trong hệ thống tư nhân và hệ thống lắp ráp. Chất lượng sản phẩm ổn định, giá cả hợp lý cạnh tranh tốt với các hàng cùng phân khúc trên thị trường tạo ra lợi thế cạnh tranh tốt của ngành hàng xe đạp, xe máy. Lốp không săm các loại tăng trưởng cao tại thị trường tư nhân đã bù đắp toàn bộ suy giảm tại các doanh nghiệp lắp ráp xe điện, tuy nhiên lốp xe máy không săm vẫn còn tiêu thụ quá ít so với nhu cầu thị trường do vậy trong năm 2025 cần có những đầu tư mạnh mẽ hơn để phát triển lốp xe máy không săm khi sản xuất và chất lượng đã ổn định.

Thị trường xuất khẩu:

- Trong năm vừa qua, Công ty đã có những bước tiến đáng kể trong hoạt động xuất khẩu. Tổng doanh thu xuất khẩu ghi nhận sự tăng trưởng tốt, với mức tăng trưởng 33,3% so với năm 2023 cho thấy sự cạnh tranh tiềm năng của công ty trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, một số mặt hàng như săm lốp đã chứng kiến sự giảm mạnh doanh thu; số lượng tiêu thụ suy giảm so với năm 2023 như lốp xe đạp giảm 2,16%, lốp ô tô giảm 4,34%, nguyên nhân chính là do sự cạnh tranh mạnh mẽ từ đối thủ và thay đổi nhu cầu của thị trường.
- Dù đối mặt với thách thức ở một số phân khúc, tình hình xuất khẩu của công ty vẫn thể hiện được sự linh hoạt và tiềm năng phát triển bền vững. Cần tiếp tục phát huy lợi thế và khắc phục điểm yếu để củng cố vị thế trên thị trường quốc tế.

Công tác tài chính

- Thực hiện và kiểm tra việc ghi chép số liệu kế toán đảm bảo tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính tại Công ty và các tổ chức, đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty trên các chứng từ, sổ sách kế toán vào các báo cáo tài chính.
- Làm tốt công tác huy động vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn như vốn đầu tư của các cổ đông, lựa chọn phương án đầu tư, lựa chọn Ngân hàng có cơ chế và lãi suất hợp lý...đảm bảo nguồn vốn của Công ty luôn được bảo toàn và phát triển.
- Chấp hành nghiêm chỉnh việc tính toán đầy đủ, kịp thời đúng chính sách, chế độ của Nhà nước ban hành về các khoản thuế phải nộp ngân sách. Giải quyết đúng chính sách với người lao động.
- Kiểm tra giám sát việc thu chi tài chính, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn và sự biến động tăng giảm của các loại tài sản, vật tư tiền vốn tại Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc công ty. Phát hiện các vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế tài chính trong Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty. Báo cáo và đề xuất với lãnh đạo Công ty cá biện pháp xử lý theo đúng quy định hiện hành.
- Lập báo cáo tài chính toàn Công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của báo cáo tài chính, gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng quản lý nhà nước theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.
- Cùng với phòng ban nghiệp vụ trong toàn Công ty tham gia tiến hành việc đối chiếu và thu hồi công nợ, phát huy đầy đủ tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty.

Công tác khoa học kỹ thuật, chất lượng

Năm 2024, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Cụ thể:

- Khảo sát, điều chỉnh và ban hành định mức nguyên vật liệu cho các sản phẩm cao su, tính toán thi công và định mức làm cơ sở chào giá các sản phẩm săm lốp xuất khẩu, cao su kỹ thuật và lốp nông nghiệp, lốp không săm,...
- Phối hợp với các đơn vị sản xuất trong công ty xử lý và khắc phục kịp thời các biến động trong sản xuất, giám sát quá trình sản xuất giảm tỷ lệ phế và sản phẩm lỗi ra thị trường.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ việc nhập, xuất cấp phát, đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, chủ động trong việc chuẩn bị các vật tư, phụ tùng dự phòng hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng.

Công tác ATLĐ - VSCN - PCCN và công tác môi trường

Trong năm 2024, công tác ATLĐ - VSCN - PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

- Thông qua các đợt huấn luyện định kỳ, huấn luyện mới để phổ biến các chế độ chính sách của cơ quan nhà nước về công tác AT-VSLĐ cho người lao động. Chỉ ra cho người lao động các mối nguy hiểm, các nguy cơ tiềm ẩn trong dây chuyền sản xuất và các biện pháp để phòng tránh, nhằm hạn chế tai nạn lao động xảy ra trong quá trình làm việc.
- Công tác PCCN thường xuyên được kiểm tra đảm bảo quy trình, quy định. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho CBCNV công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như nghiệp vụ thực tập phương án PCCN theo kế hoạch của Cảnh sát PCCC.
- Xây dựng kế hoạch và tham gia cùng Hội đồng ATVSLĐ của Công ty tiến hành kiểm tra công tác ATVSLĐ tại các đơn vị trong Công ty định kỳ 3 tháng/lần để đánh giá tình hình thực hiện các mặt của công tác ATVSLĐ, phát hiện những tồn tại, đề xuất các biện pháp khắc phục.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.346,8	1.208,9	-10,2%
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	631,1	549,1	-13,0%
- Tiền và tương đương tiền	Tỷ đồng	33,1	29,7	-10,2%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	366,1	235,2	-35,7%
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Tỷ đồng	367,9	238,2	-35,2%
Trong đó: Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Tỷ đồng	(11,0)	(9,6)	-12,5%
- Hàng tồn kho	Tỷ đồng	228,5	250,3	9,5%
Trong đó: Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	Tỷ đồng	(2,4)	1,0	-140,7%
- Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	3,4	33,9	896,0%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	715,7	659,8	-7,8%
- Các khoản phải thu dài hạn	Tỷ đồng	6,5	97,8	1401,6%
- Đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ đồng	510,5	508,5	-0,4%

Trong giai đoạn 2023 - 2024, tổng tài sản của doanh nghiệp có xu hướng giảm, từ **1.346,8 tỷ đồng** xuống còn **1.208,9 tỷ đồng**, tương đương mức giảm **10,2%**. Điều này cho thấy quy mô tài sản của doanh nghiệp đang thu hẹp.

Xét về tài sản ngắn hạn, doanh nghiệp ghi nhận mức giảm **13,0%**, chủ yếu do sự sụt giảm mạnh ở các khoản phải thu ngắn hạn (**-35,7%**), đặc biệt là khoản phải thu khách hàng (**-35,2%**) chủ yếu do phải thu từ khách hàng Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam giảm mạnh. Bên cạnh đó, tiền và tương đương tiền cũng giảm **10,2%**, xuống còn 29,7 tỷ đồng. Trong khi đó, hàng tồn kho lại tăng **9,5%**, phản ánh việc doanh nghiệp tích trữ nhiều nguyên vật liệu hơn để chuẩn bị cho nhu cầu tương lai. Đáng chú ý, tài sản ngắn hạn khác tăng đột biến **896,0%**, từ **3,4 tỷ đồng** lên **33,9 tỷ đồng**, cho thấy sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu tài sản.

Ở khía cạnh tài sản dài hạn, doanh nghiệp ghi nhận mức giảm **7,8%**, từ **715,7 tỷ đồng** xuống **659,8 tỷ đồng**. Tuy nhiên, các khoản phải thu dài hạn lại tăng mạnh từ **6,5 tỷ đồng** lên **97,8 tỷ đồng**, chủ yếu phản ánh giá trị tài sản cầm cố để đảm bảo cho các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng cung cấp tín dụng bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngược lại, đầu tư tài chính dài hạn chỉ giảm nhẹ **0,4%**, gần như không có sự thay đổi đáng kể và chiếm phần lớn Tài sản dài hạn.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
Nợ phải trả	Tỷ đồng	903,5	633,9	-29,8%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	621,1	482,0	-22,4%
- Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	93,5	148,3	58,6%
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	338,4	255,7	-24,4%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	282,4	151,9	-46,2%
- Phải trả dài hạn khác	Tỷ đồng	143,5	143,5	0,0%
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Tỷ đồng	132,7	2,1	-98,4%

Trong giai đoạn 2023 - 2024, tình hình nợ của doanh nghiệp có xu hướng giảm mạnh. Tổng nợ phải trả giảm **29,8%**, từ **903,5 tỷ đồng** xuống **633,9 tỷ đồng**, cho thấy doanh nghiệp đang có chiến lược cắt giảm nợ và đã thanh toán bớt các khoản vay đáng kể.

Nợ ngắn hạn giảm **22,4%**, từ **621,1 tỷ đồng** xuống **482,0 tỷ đồng**. Tuy nhiên, khoản **phải trả người bán ngắn hạn** lại tăng mạnh **58,6%**, từ **93,5 tỷ đồng** lên **148,3 tỷ đồng**, cho thấy doanh nghiệp đang gia tăng công nợ với nhà cung cấp. Ngược lại, **vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn** giảm **24,4%**, từ **338,4 tỷ đồng** xuống **255,7 tỷ đồng**, phản ánh việc doanh nghiệp đang giảm dần phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn, có thể do chủ động tái cơ cấu tài chính hoặc khả năng tiếp cận vốn vay bị hạn chế.

Nợ dài hạn giảm mạnh **46,2%**, từ **282,4 tỷ đồng** xuống **151,9 tỷ đồng**, chủ yếu do **vay và nợ thuê tài chính dài hạn** giảm đột biến **98,4%**, từ **132,7 tỷ đồng** xuống chỉ còn **2,1 tỷ đồng**. Điều này cho thấy doanh nghiệp gần như đã thanh toán hết các khoản vay dài hạn, từ đó giảm bớt áp lực tài chính trong tương lai. Trong khi đó, **phải trả dài hạn khác** giữ nguyên ở mức **143,5 tỷ đồng**, không có biến động.

Doanh nghiệp đang có xu hướng giảm mạnh các khoản nợ, đặc biệt là nợ dài hạn, giúp giảm áp lực tài chính và cải thiện tình hình tài chính tổng thể. Ngoài ra khoản mục nợ xấu của Công ty cũng giảm đáng kể từ 15,3 tỷ đồng xuống còn 11,6 tỷ đồng.



PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025

Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	% so với thực hiện năm 2024
I- Giá trị sản xuất CN (theo giá Đ 1994)	Tỷ đồng	350	122,7
II- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	991,9	122,2
III- Doanh thu tiêu thụ		2000	188,1
Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	970	113,8
Doanh thu thương mại, doanh thu khác		1030	487,5
IV- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	52,4

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	% so với thực hiện năm 2024	
			SX	TT
V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu	-	-	-	-
1- Lốp xe đạp	Chiếc	4.400.000	107,7	106,3
2- Săm xe đạp	Chiếc	4.800.000	118,9	113,0
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.600.000	134,0	129,6
4- Săm xe máy	Chiếc	5.600.000	117,6	116,1
5- Lốp ô tô	Chiếc	200.000	113,3	112,0
6- Săm ô tô	Chiếc	220.000	139,3	135,3
7- Yếm ô tô	Chiếc	120.000	122,4	139,7

Các giải pháp thực hiện

Công tác quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.
- Chỉ đạo phối hợp tốt giữa các đơn vị trong Công ty đẩy nhanh việc nghiên cứu và triển khai sản xuất thêm các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng doanh thu bán hàng.
- Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh.

- Tập trung đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm trong quản lý điều hành tại các đơn vị trong Công ty, khắc phục những tồn tại về mặt chất lượng sản phẩm đã được khách hàng phản ánh nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Công ty và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.
- Tăng cường quản lý, giám sát đối với các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phân đầu đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận ở mức cao nhất.
- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác bán hàng

- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp đối với từng ngành hàng, từng khu vực thị trường nhằm duy trì và phát triển tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh tại thị trường nội địa, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu đã đề ra theo từng tháng, quý và cả năm.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc. Tái cơ cấu hệ thống phân phối tại một số tỉnh miền Bắc và miền Nam.
- Kiên toàn, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng nhằm nâng cao khả năng hoạt động và hiệu quả công việc.
- Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác xuất khẩu, đồng thời phải tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng, giữ vững thị phần ở các thị trường cũ và khai thác thêm thị trường mới.
- Kết hợp với phòng tài chính xây dựng giá bán cạnh tranh cho từng thị trường.

Công tác lao động tiền lương

- Thường xuyên rà soát và hoàn thiện công tác định biên, định mức lao động, tiền lương. Từ đó xây dựng mới hoặc điều chỉnh cho phù hợp chi phí tiền lương đối với từng đơn vị, từng sản phẩm trong Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực năm 2025 đạt hiệu quả cao nhất. Kết hợp với các đơn vị tìm giải pháp ngăn chặn việc sụt giảm lao động.
- Thực hiện tốt hơn nữa công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động/ khám sức khỏe định kỳ, giải quyết các chế độ đúng quy định.

Công tác tài chính

- Phát huy chức năng, nhiệm vụ của công tác Tài chính và Luật kế toán trong kiểm soát nội bộ, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty nhằm nhận diện và đề xuất những biện pháp phòng ngừa rủi ro, chống lãng phí, đảm bảo chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm SRC.
- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán phối hợp với phòng TTBH hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi trong công nợ của khách hàng.
- Chuẩn bị Báo cáo tài chính năm, Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025 và các báo cáo khác trình Đại hội đồng cổ đông.
- Tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo Công ty các biện pháp quản lý tài chính, tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm.

Công tác cơ điện, năng lượng

- Rà soát, hoàn thiện Quy chế hoạt động Cơ điện, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng.
- Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phục vụ sản xuất tốt. Theo dõi tình trạng thiết bị, kịp thời sửa chữa thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Đánh giá nhận diện khắc phục ngay các điểm gây lãng phí năng lượng (điện, hơi nóng, khí nén), đặt mục tiêu giảm chi phí tiêu hao năng lượng năm sau so với năm trước khoảng 2%.

Công tác khoa học kỹ thuật và bảo đảm chất lượng

- Nghiên cứu cải thiện chất lượng lớp ô tô với các nội dung chính: Cải thiện khả năng chịu mòn của lớp ô tô, nâng cao chất lượng ngoại quan, giảm tỷ lệ sửa chữa lốp, nghiên cứu các dòng lốp phục vụ nông nghiệp, nghiên cứu phát triển các dòng lốp không sẫm phục vụ thị trường.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015. Nghiên cứu hợp lý và tối ưu hoá các đơn pha chế nhằm hợp lý hoá chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Hoàn thành việc lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm các thiết bị lẻ năm 2025 kịp thời phục vụ sản xuất tại Hà Nội, Thái Bình, Xuân Hòa.
- Triển khai Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về địa điểm mới.
- Nghiên cứu và triển khai các bước chuẩn bị Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về địa điểm mới.

Công tác khác

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào lao động sáng tạo, tập hợp ý tưởng, cải tiến hợp lý hóa, áp dụng khoa học tiên tiến hiện đại vào sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí nhằm hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và động viên CBCNV tích cực lao động sản xuất hoàn thành nhiệm vụ năm 2025.
- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Khen thưởng động viên kịp thời các bộ phận, cá nhân có thành tích cao trong lao động sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường làm việc, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 phiên bản 2015, xây dựng môi trường lao động sản xuất thực sự xanh - sạch - đẹp, văn minh hiện đại.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Không có.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Toàn thể công ty nỗ lực thực hiện các chính sách về bảo vệ môi trường, với tiêu chí phát triển bền vững và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng xung quanh.

Công ty đã có những chính sách tái sử dụng nguyên vật liệu, đẩy mạnh công tác xử lý chất thải, nước thải từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Ngoài ra, công ty cũng tích cực tuyên truyền, vận động nhằm biến nhận thức bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng cán bộ công nhân viên, từng bước trong quy trình sản xuất.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng thực hiện quan trắc, kiểm tra chất lượng nước thải hàng quý, kết quả quan trắc cho thấy công đang thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, kiểm soát chất lượng nước thải theo đúng quy định của pháp luật. Ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, công ty cũng tích cực đầu tư nghiên cứu làm mới sản phẩm theo hướng bảo vệ môi trường, có thể tái sử dụng.

Đánh giá liên quan đến người lao động và an toàn lao động

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, SRC đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt, đời sống trong doanh nghiệp phong phú cả về vật chất và tinh thần.

Để đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV: CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Khu nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Người lao động tại công ty được tham gia đủ các loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng như quyền lợi về tiền lương, thưởng, chế độ nghỉ phép hàng năm. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên có chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề cũng như các chính sách lương thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và Công ty.



CHƯƠNG V

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

63. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

64. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

65. Kế hoạch, định hướng của HĐQT



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024**



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024	Thực hiện năm 2024	So với NQ năm 2024 (%)	% so với thực hiện năm 2023
1- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)	Tỷ đồng	350	285,3	81,5	107,9
2- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	1.010	811,6	80,3	101,3
3- Doanh thu tiêu thụ		2.000	1.063,4	53,1	86,1
Trong đó: DT SXCN	Tỷ đồng	970	852,1	87,8	102,0
DT thương mại, DT khác		1030	211,3	20,5	52,8
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	190,7	190,7	488,97

Nhìn chung, giá trị sản xuất công nghiệp của Công ty đều hoàn thành ở mức cao so với kế hoạch đặt ra đầu năm, ở mức 81,5% theo giá cố định 1994 và 80,3% theo giá thực tế. Tuy nhiên, trước những khó khăn của thị trường trong năm 2024, ảnh hưởng mạnh bởi sự phục hồi chậm của các nền kinh tế lớn và tình hình bất ổn địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới, các chỉ tiêu về doanh thu chưa hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 1.063,3 tỷ đồng, giảm 13,9% so với năm 2023 và thấp hơn kế hoạch 2.000 tỷ đồng đề ra. Trong đó, nguyên nhân suy giảm chủ yếu đến từ doanh thu thương mại và khác.

Dù các chỉ tiêu về tiêu thụ không đạt kế hoạch như mong đợi song lợi nhuận trước thuế đạt 190,74 tỷ đạt 190,7% so với kế hoạch và cao gấp 4,9 lần so với kết quả năm 2023 do có nguồn thu từ lĩnh vực khác, đồng thời có sự nỗ lực điều hành và bám sát thị trường của HĐQT và Ban lãnh đạo công ty; kịp thời có những chính sách giá bán phù hợp với từng giai đoạn giữa bối cảnh rất khó khăn của thị trường do biến động của giá nguyên vật liệu tăng cao, sức tiêu thụ sản phẩm giảm.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

Trong năm 2024, Ban điều hành đã nhận thức rõ những tồn tại trong công tác quản trị, từ đó đề ra nhiều biện pháp khắc phục, tăng cường nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm và hợp lý hóa giá thành. Việc kiểm soát chi phí, quản lý mua sắm vật tư được thực hiện nghiêm ngặt, tăng cường tìm kiếm nhà cung cấp mới nhằm đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh. Tuy nhiên, chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lớp, và công tác R&D chưa đáp ứng yêu cầu thị trường.

VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Công ty luôn chú trọng đến việc đảm bảo thu nhập ổn định và tăng cường chế độ phúc lợi cho người lao động. Thu nhập bình quân đạt 12,311 triệu đồng/tháng, tăng 119,6% so với năm 2023, nhưng vẫn chưa cao so với mặt bằng chung khu vực. Các chính sách lao động và an toàn lao động được thực hiện đầy đủ.

VỀ CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

Thị trường nội địa ghi nhận tăng trưởng 7,66%, với những điểm sáng như lớp xe đạp tăng 15,3% và lớp xe máy tăng 15,3%. Ngược lại, doanh thu xuất khẩu giảm 17,8%, chủ yếu do bộ phận xuất khẩu chưa hoàn thành nhiệm vụ, ảnh hưởng đến doanh thu chung.

VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý tài chính, huy động vốn hợp lý, kiểm soát chi tiêu, và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách thuế. Việc kiểm tra giám sát thu chi, thu hồi công nợ được đầu tư tăng cường.

VỀ CÔNG TÁC KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG

Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác R&D, nghiên cứu vật liệu mới, hợp lý hóa quy trình sản xuất, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Giám sát sản xuất nhằm giảm tỷ lệ phế và sản phẩm lỗi.

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ VÀ CƠ ĐIỆN

Công tác quản lý vật tư, linh kiện được giám sát chặt chẽ, đáp ứng nhu cầu bảo dưỡng thiết bị, giảm thiểu lãng phí.

VỀ CÔNG TÁC ATLĐ - VSCN - PCCN VÀ MÔI TRƯỜNG

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng cháy chữa cháy. Các đợt huấn luyện được tổ chức đều đặn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm an toàn trong sản xuất.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng.

Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh.

Qua quá trình kiểm điểm công tác, cho thấy Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao đáng ghi nhận.

Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đã tập trung giải quyết khắc phục các yếu kém về khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu trong công tác quản trị Công ty.

Với mục tiêu đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và mục tiêu cho từng tháng. Từng bước khắc phục tồn tại, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm SRC. Tổ chức triển khai thực hiện phần đầu nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.

Thường xuyên rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, qui chế mua sắm vật tư đã ban hành.

Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

Tuy nhiên, trong hoạt động của Ban điều hành vẫn có những tồn tại sau:

- » Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất có lúc còn chậm. Bộ máy quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu.
- » Bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động chưa cao.
- » Công tác kỹ thuật chưa sâu sát, chưa quyết liệt khắc phục triệt để các nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
- » Công tác phát triển sản xuất sản phẩm mới còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu thị trường.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty năm 2024. Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025
1- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)	Tỷ đồng	350
2- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	991,9
3- Doanh thu tiêu thụ		2.000
Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	970
Doanh thu thương mại, doanh thu khác		1030
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100
5- Mức cổ tức (không nhỏ hơn)	%	6

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, Hội đồng quản trị cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

- » Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung giám sát hoạt động của Ban điều hành, các bộ quản lý các mặt hoạt động của Công ty
- » Đề xuất với Ban điều hành các giải pháp quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý chất lượng. Hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý với đại lý, nhà phân phối. Kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2024.
- » Sử dụng lao động có hiệu quả, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động trong tình trạng thiếu người.
- » Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ người có trình độ cao, tay nghề giỏi, từng bước tăng thu nhập cho người lao động.
- » Quyết tâm phát triển sản phẩm mới, chất lượng cao đặc biệt là lốp ô tô công trường quy cách lớn, lốp xe máy không săm, săm xe máy butyl đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.



CHƯƠNG VI

QUẢN TRỊ CÔNG TY

69. Hội đồng quản trị

71. Ban kiểm soát

72. Giao dịch và thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

74. Tăng cường quản trị công ty



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024**

**CAO SU SAO V
RUBBER JS COMPANY**

SRC

con đư



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT, TGD	12	0%
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT, P.TGD, KTT	7	0%
4	Nguyễn Đình Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%
5	Lương Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2024: Không có

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Có 01 Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Hoạt động của HĐQT

Tình hình tham dự các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch HĐQT	16/12/2019	7/7	100%	
2	Nguyễn Việt Hùng	TV HĐQT, TGD	28/04/2018	7/7	100%	
3	Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT, P.TGD	08/06/2020	7/7	100%	
4	Nguyễn Đình Sơn	TV HĐQT độc lập	26/04/2021	7/7	100%	
5	Lương Xuân Hoàng	TV HĐQT độc lập	26/04/2021	7/7	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2024 như sau:

- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.
- Tổ chức các cuộc họp với nội dung bám sát các yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành. Ban hành các nghị quyết, quyết định ngay sau khi Hội đồng quản trị thống nhất thông qua để Ban điều hành làm căn cứ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị tài liệu, công tác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	09/NQ-HĐQT	25/01/2024	Thống nhất KHSXKD dự kiến năm 2024; Chấp thuận việc thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan	100
2	10A/NQ-HĐQT	30/01/2024	Thông qua việc ký HĐ chuyển nhượng quyền thuê lại đất với cơ sở hạ tầng và tài sản gắn liền với đất tại KCN Châu Sơn, Hà Nam	60
3	12/NQ-HĐQT	23/02/2024	Thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên công ty năm 2024	100
4	12A/NQ-HĐQT	23/02/2024	Thông qua ký HĐ mua bán xe ô tô và sơ mi rơ-mooc	60
5	20/QĐ-HĐQT	13/03/2024	Thành lập bên mời thầu dự án ĐTXDCB năm 2024	100
6	21/QĐ-HĐQT	19/03/2024	Thành lập tổ thẩm định dự án ĐTXDCB năm 2024	100
7	23/NQ-HĐQT	19/03/2024	Thông qua dự thảo chương trình ĐHĐCĐ 2024	100
8	45/NQ-HĐQT	24/04/2024	Bổ nhiệm chức vụ P. TGD Công ty đối với ông Nguyễn Quang Hòa	60
9	49/NQ-HĐQT	06/05/2024	Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập	100
10	54/QĐ-HĐQT	20/05/2024	Phê duyệt BCKTKT các hạng mục đầu tư	100
11	57/QĐ-HĐQT	27/05/2024	Ban hành Quy chế trả lương, chi thưởng	100
12	61/QĐ-HĐQT	19/06/2024	Phê duyệt dự toán, KHLCNT các hạng mục đầu tư	100
13	62A/QĐ-HĐQT	21/06/2024	Thông qua việc ký Hợp đồng mua 01 chiếc ô tô để phục vụ công việc của Công ty.	60
14	63A/QĐ-HĐQT	01/7/2024	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ sửa đổi và bổ sung	100
15	73/QĐ-HĐQT	16/8/2024	Nhượng bán và thanh lý TSCĐ, CCLĐ, ...	100
16	76/QĐ-HĐQT	21/8/2024	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền (6%)	100
17	89/NQ-HĐQT	29/10/2024	Sáp nhập phòng Xuất khẩu vào phòng Tiếp thị bán hàng	100
18	95/QĐ-HĐQT	21/11/2024	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: "Đầu tư hệ thống cổng trục 3 tấn"	100
19	97/QĐ-HĐQT	21/11/2024	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục "Đầu tư 05 máy nổi đầu sấm xe máy"	100
20	102/QĐ-HĐQT	10/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa"	100
21	103/QĐ-HĐQT	18/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa"	100

- Đào tạo về Quản trị Công ty:** Các thành viên Hội đồng quản trị chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tính đến 31/12/2024, CTCP Cao su Sao Vàng có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Đình Sơn và ông Lương Xuân Hoàng. Trong năm 2024, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao với tinh thần cẩn trọng và trách nhiệm cao, phát huy vai trò độc lập trong việc đưa ra các ý kiến tham dự và đóng góp đánh giá khách quan đối với hoạt động của Công ty, công tác quản trị rủi ro, công tác bảo vệ ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Công ty.

Ban kiểm toán nội bộ

Thông tin về thành viên Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB)

STT	Thành viên BKTNB	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV. BKTNB	Ngày không còn là TV. BKTNB	Trình độ chuyên môn
1	Lương Xuân Hoàng	Trưởng BKTNB	29/10/2021		Cử nhân kinh tế
2	Nguyễn Việt Thắng	TV BKTNB	21/07/2022		Cử nhân kinh tế
3	Phạm Cao Vân	TV BKTNB	29/10/2021		Cử nhân TCNH

Cuộc họp của Ban KTNB

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp(%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lý do không tham dự họp
1	Lương Xuân Hoàng	3	100	100	
2	Nguyễn Việt Thắng	3	100	100	
3	Phạm Cao Vân	3	100	100	

Hoạt động của Ban KTNB

Hoạt động giám sát của Ban KTNB đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: Thực hiện theo quy định của Luật pháp và kế hoạch được HĐQT phê duyệt.

Hoạt động khác của Ban KTNB:

- Kiểm toán tình hình sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.
- Kiểm toán tình hình công nợ và tồn kho năm 2024.

BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Nguyễn Trung Hoà	Trưởng BKS	0	0,00%
2	Vũ Thị Mai Nhung	TV BKS	1	0,00%
3	Hoàng Văn Hoà	TV BKS	0	0,00%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Tình hình tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Trung Hoà	Trưởng BKS	5/5	100%	100%
2	Vũ Thị Mai Nhung	TV BKS	5/5	100%	100%
3	Hoàng Văn Hoà	TV BKS	5/5	100%	100%

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát tình hình tài chính và báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.
- Ban kiểm soát đánh giá Ban điều hành đã và đang nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị cung cấp kịp thời đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định.
- Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi có yêu cầu.

GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO, THU NHẬP CỦA HĐQT, BKS, BTGD

Thù lao, thu nhập của HĐQT, BKS và BTGD

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc nhận được tổng mức thù lao và thu nhập là: 3,1 tỷ đồng, tăng 3,6% so với mức trên 2,9 tỷ đồng năm 2023. Trong đó:

Họ và Tên	Chức vụ	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)
Thù lao HĐQT và BKS		360.000.000	360.000.000
Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Viết Hùng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Đình Sơn	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000

Lương Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng BKS	48.000.000	48.000.000
Hoàng Văn Hòa	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Thu nhập Ban TGĐ		1.669.882.400	1.626.114.585
Nguyễn Viết Hùng	Tổng giám đốc	640.921.200	627.686.874
Nguyễn Thanh Tùng	Phó tổng giám đốc	534.461.200	522.886.570
Nguyễn Quang Hòa	Phó tổng giám đốc	494.500.000	475.541.141
Thu nhập Kế toán trưởng			
Trần Minh Tuấn	Kế toán trưởng	479.780.000	466.362.141
Thu nhập Ban kiểm soát			
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng BKS	321.839.315	282.099.888
Hoàng Văn Hòa	Thành viên BKS	275.057.009	263.615.002

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Trong năm 2024, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không phát sinh giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ của Công ty

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT ... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty CP Tập đoàn Hoàng Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT.HĐQT	ĐKKD số 3000244065 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11/05/2022 do Sở KHĐT Hà Tĩnh cấp	TDP.Thuận Minh, P.Đức Thuận, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Năm 2024	Nghị quyết số: 09/NQ-HĐQT ngày 25/01/2024	Bán hàng: 24.507.442.849 VNĐ
2	Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT.HĐQT	ĐKKD số 0107520273 ngày 07/12/2021 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	231 Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Năm 2024	Nghị quyết số: 09/NQ-HĐQT ngày 25/01/2024	Mua hàng: 1.117.660.275 VNĐ

3	Công ty CP ĐB bia rượu và nước giải khát Sao Vàng	Tổ chức có liên quan đến CT. HĐQT	ĐKKD số 33002263994 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/02/2024 do Sở KHĐT Hà Tĩnh cấp	TDP.8, P.Đâu Liêu, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Năm 2024	Nghị quyết số: 09/NQ-HĐQT ngày 25/01/2024	Mua hàng: 52.159.091 VNĐ
4	Công ty CP ĐT&PT Hoành Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT. HĐQT	ĐKKD số 2901929143 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/02/2024 do Sở KHĐT Nghệ An cấp	Số 17, Đ. Nguyễn Phong Sắc, P. Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	Năm 2024	Nghị quyết số: 09/NQ-HĐQT ngày 25/01/2024	Mua hàng: 1.872.000.000 VNĐ
5	Công ty CP tư vấn ĐT và XD TM Việt Anh	Tổ chức có liên quan đến CT. HĐQT	ĐKKD số 2901704534 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/10/2019 do Sở KHĐT Nghệ An cấp	Số 18, Đ. Nguyễn Trường Tộ, P. Lê Lợi, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	Năm 2024	Nghị quyết số: 09/NQ-HĐQT ngày 25/01/2024	Mua hàng: 660.000.000 VNĐ
6	Công ty TNHH TM tổng hợp và vận tải QT Hoành Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT. HĐQT	ĐKKD số 0168 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/08/2024 do tỉnh Kham-mouan, Lào cấp.	Đường 13 Tạy, bản Nồng Phư, huyện Hin Bun, tỉnh Kham muôn, Lào	Năm 2024	Nghị quyết số: 09/NQ-HĐQT ngày 25/01/2024	Mua hàng: 82.059.075.000 VNĐ

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết, gồm có:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của

các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thư ký Công ty thường xuyên cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán ban hành, kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị để có sự chuẩn bị phù hợp và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.

Công ty đã xây dựng Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo sát quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Trong năm 2024, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo hình thức trực tiếp. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Bên cạnh đó, Công ty tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin định kỳ và bất thường nhằm tạo điều kiện để cổ đông có điều kiện giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị, trong năm 2024, Công ty tiếp tục tạo điều kiện để các cán bộ, nhân viên tham gia những chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản trị kết hợp với tăng cường đầu tư phát triển hệ thống quản trị hiện đại. Cụ thể:

- Quản trị sản xuất: Công ty đang triển khai hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.....
- Quản trị quan hệ khách hàng: Phòng tiếp thị bán hàng giữ vai trò chăm sóc khách hàng, đảm bảo tối đa việc phản hồi nhanh và chính xác tới khách hàng.
- Quản trị quan hệ chất lượng: Trung tâm chất lượng giám sát các hoạt động và công đoạn sản xuất trong công ty để đảm bảo thành phẩm cuối đáp ứng các quy chuẩn trong nước và quốc tế áp dụng đối với ngành sản xuất xăm lốp, sản phẩm có giá trị cao, hoàn thành và được giao hàng đúng thời hạn.



CHƯƠNG VII

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

79. Giới thiệu báo cáo

79. Mục tiêu phát triển bền vững

80. Đánh giá của Ban Tổng giám đốc

81. Các chỉ tiêu phát triển bền vững



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024**

GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2024 của Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng được tích hợp chung trong Báo cáo thường niên 2024 nhằm cung cấp thông tin chất lượng với nội dung súc tích, ngắn gọn, tránh trùng lặp cho cổ đông và các bên có liên quan.

Mục tiêu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được xây dựng nhằm cung cấp cho nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan cái nhìn toàn diện về chiến lược tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của SRC dưới góc độ phát triển bền vững. Báo cáo này sẽ trình bày rõ ràng định hướng, chính sách của Công ty cũng như các tiêu chí liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty và đơn vị thành viên trong lĩnh vực sản xuất sẫm lốp trên lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2024, bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bên cạnh việc phát triển doanh nghiệp và khẳng định vị thế trên thị trường, Ban lãnh đạo luôn chú trọng đến an sinh xã hội, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên, đồng thời thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng. Nhận thức rõ tác động của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường, Công ty CP Cao su Sao Vàng đã triển khai nhiều chính sách và biện pháp cụ thể nhằm hướng tới phát triển bền vững theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Các giải pháp này bao gồm chính sách bảo vệ môi trường, tối ưu hóa và tái sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, qua đó không chỉ giảm thiểu chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường hiệu quả.

Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty hướng đến những nội dung sau:

- Nâng cao năng lực doanh nghiệp: Hướng đến tiêu chuẩn quốc tế trong mọi hoạt động.
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp: Thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- Chăm lo người lao động: Cải thiện điều kiện làm việc, quan tâm đến môi trường làm việc và nâng cao thu nhập cho nhân viên.
- Gia tăng giá trị cho khách hàng: Nghiên cứu, mở rộng danh mục sản phẩm, mang đến nhiều lựa chọn và lợi ích hơn cho khách hàng.
- Đóng góp cho cộng đồng: Cam kết trách nhiệm xã hội, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của cộng đồng và bảo vệ môi trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Ban lãnh đạo Công ty luôn ý thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, đề cao trách nhiệm và yêu cầu toàn thể cán bộ, nhân viên tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan. Công ty cam kết giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, hạn chế ô nhiễm trong quá trình sản xuất. Mọi hoạt động quản trị, vận hành và kinh doanh đều tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường, đảm bảo không phát sinh vi phạm hay phải chịu bất kỳ khoản phạt nào liên quan.

Ban lãnh đạo Công ty giao Phòng Tổ chức hành chính nhiệm vụ tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức và phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường, đồng thời chịu trách nhiệm đánh giá và giám sát các xí nghiệp sản xuất thuộc Công ty. Ngoài ra, phòng Tổ chức hành chính cũng đảm bảo thực hiện đầy đủ các công tác vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Các phòng ban khác có trách nhiệm triển khai các chính sách môi trường, chủ động phòng ngừa rủi ro, đề xuất sáng kiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm trong môi trường lao động, nâng cao nhận thức và thúc đẩy những hành vi tích cực trong công tác bảo vệ môi trường.

Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động

Nhận thức rõ rằng người lao động là tài sản quý giá nhất, Ban lãnh đạo Công ty luôn coi việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo môi trường làm việc an toàn và cải thiện thu nhập cho nhân viên không chỉ là trách nhiệm mà còn là mục tiêu phát triển bền vững. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách dành cho người lao động, đảm bảo quyền lợi và môi trường làm việc tốt nhất, đồng thời không phát sinh bất kỳ khiếu nại hay tranh chấp nào liên quan.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và công ty.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 - 75% giá thành sản phẩm. Nhận thức được mức độ ảnh hưởng lớn đến môi trường từ các nguyên liệu nêu trên, Cao su Sao Vàng luôn có ý thức tận dụng và sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng ngày càng tiết kiệm và hợp lý. Công ty đã thực hiện tốt việc kiểm soát nguồn nguyên liệu sử dụng năm 2024, theo dõi chặt chẽ hơn hoạt động thiết kế, định mức nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu khối lượng sử dụng các loại nguyên liệu. Ngoài ra, cao su, vải màn phế, lớp phế... cũng được Công ty tái sử dụng bằng cách xử lý cắt, nghiền để làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật tại bộ phận cao su kỹ thuật – XNCS3.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Tiêu chí	Hà Nội	Chi nhánh Thái Bình	Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa
Nhà cung cấp	Công ty Điện lực chi nhánh Thanh Xuân	Chi nhánh điện lực Thái Bình	Công ty điện lực Vĩnh Phúc
Lượng điện tiêu thụ (KWh)	7.293.513	4.057.050	4.068.863

Công ty đã kiểm tra, theo dõi và đo lường mức tiêu hao năng lượng của các thiết bị, tiến hành duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị mới tiết kiệm điện. Luôn có nhân sự thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động, phối hợp nhịp nhàng để đảm bảo máy móc hoạt động đúng công suất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức người lao động về sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện.

Các biện pháp và chương trình tiết kiệm điện:

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và đo lường mức tiêu hao năng lượng của các thiết bị, tiến hành duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị mới tiết kiệm điện.
- Phân công nhân sự thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động, phối hợp nhịp nhàng để đảm bảo máy móc hoạt động đúng công suất.
- Tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức người lao động về sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện.

Ngoài ra, lượng hơi nóng tiêu thụ trong quá trình sản xuất là: 69.202 tấn vào năm 2024.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ tái chế:

Tiêu chí	Hà Nội	Chi nhánh Thái Bình	Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa
Nhà cung cấp	Công ty Viwaco	Công ty cổ phần nước sạch Thái Bình	Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc
Lượng nước tiêu thụ (m ³)	179.537	61.900	8.534

Trong năm 2024, Công ty đã xây dựng quy trình xử lý nước thải hợp lý:

- Nước thải sinh hoạt do cán bộ công nhân viên sử dụng hàng ngày thải ra và được xử lý bằng phương pháp vi sinh yếm khí.
- Nước thải công nghiệp: Công ty sử dụng nước để làm mát máy móc thiết bị, không tham gia vào công nghệ sản xuất. Toàn bộ nước làm mát được bơm tuần hoàn để tái sử dụng không thải ra môi trường (sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín nên hầu như không có nước thải công nghiệp ra ngoài môi trường).
- Nước thải sinh hoạt từ bếp ăn tập thể và các bể phốt được dẫn vào hệ thống thoát nước thải của cụm công nghiệp qua điểm đấu nối tại hố ga đã được đăng ký.

Xử lý khí thải

Về công tác xử lý khí thải: Đối với lò hơi đốt trấu tại Hà Nội và Thái Bình thì có hệ thống xử lý khí thải theo thiết kế của lò để đảm bảo chất lượng khí thải ra môi trường. Đối với cửa thoát khí tại Xuân Hòa và Thái Bình có hệ thống lọc bụi bằng túi vải trước khi thải ra môi trường. Khí thải lò hơi và các cửa thoát khí trong các đợt quan trắc đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Vấn đề môi trường và việc tuân thủ luật môi trường luôn được Công ty chú trọng và thực hiện rất tốt. Cụ thể:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: Không có.

CHƯƠNG VIII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 ĐÃ KIỂM TOÁN

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024**

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 48

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng ("Công ty"), trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- ▶ Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su; kinh doanh phụ tùng ô tô và than.

Công ty có trụ sở chính tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh phụ thuộc sau:

<i>Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hoàng Văn Hòa	Thành viên
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Phạm Hoàng Sơn – Chủ tịch.

Ông Nguyễn Việt Hùng, Tổng Giám đốc, được Ông Phạm Hoàng Sơn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 60/UQ-SRC-HĐQT ngày 7 tháng 6 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 13666732/68382735

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 2 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1



Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		549.126.282.887	631.102.917.710
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	29.711.953.512	33.058.394.306
111	1. Tiền		14.711.953.512	17.058.394.306
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	16.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		235.235.110.511	366.121.650.273
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	238.217.156.220	367.869.103.286
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		720.135.153	5.270.304.058
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.921.919.771	4.022.930.770
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,6	(9.624.100.633)	(11.040.687.841)
140	III. Hàng tồn kho	8	250.315.400.799	228.529.873.594
141	1. Hàng tồn kho		251.291.699.609	230.978.322.874
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(976.298.810)	(2.448.449.280)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		33.863.818.065	3.392.999.537
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	949.024.039	2.935.346.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	1.952.962.417	443.433.867
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	30.961.831.609	14.218.702
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		659.813.031.320	715.736.741.314
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		97.823.430.950	6.514.752.134
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	97.823.430.950	6.514.752.134
220	II. Tài sản cố định		48.295.006.758	52.200.604.080
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	31.792.162.129	36.336.226.300
222	Nguyên giá		682.879.204.189	679.751.392.641
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(651.087.042.060)	(643.415.166.341)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	13.104.992.707	12.455.058.958
225	Nguyên giá		20.124.700.342	16.850.424.239
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.019.707.635)	(4.395.365.281)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	3.397.851.922	3.409.318.822
228	Nguyên giá		3.615.723.022	3.615.723.022
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(217.871.100)	(206.404.200)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.065.608.864	2.059.374.605
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	2.065.608.864	2.059.374.605
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	508.505.488.913	510.534.576.085
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		505.000.000.000	505.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.444.062.358	8.444.062.358
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.938.573.445)	(2.909.486.273)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.123.495.835	144.427.434.410
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.123.495.835	144.427.434.410
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.208.939.314.207	1.346.839.659.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		633.884.449.885	903.490.135.850
310	I. Nợ ngắn hạn		482.034.437.507	621.088.346.362
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	148.253.168.523	93.545.658.963
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	42.545.325.913	73.414.693.793
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	329.996.742	1.592.991.566
314	4. Phải trả người lao động		22.004.103.842	24.944.101.217
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.746.675.146	782.441.049
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	29.945.455
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.725.515.452	83.885.588.221
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	255.679.533.163	338.394.314.772
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	659.085.638	771.070.808
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	3.091.033.088	3.727.540.518
330	II. Nợ dài hạn		151.850.012.378	282.401.789.488
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	143.500.000.000	143.500.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.115.557.255	132.667.334.365
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		6.234.455.123	6.234.455.123
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		575.054.864.322	443.349.523.174
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	575.054.864.322	443.349.523.174
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.657.650.000	280.657.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.657.650.000	280.657.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.605	3.605
415	3. Cổ phiếu quỹ		(23.970.000)	(23.970.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		116.834.693.289	108.014.502.579
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		177.586.487.428	54.701.336.990
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.946.411.910	25.300.701.289
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		151.640.075.518	29.400.635.701
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.208.939.314.207	1.346.839.659.024



Người lập
Lê Lan Phương

Kế toán trưởng
Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc
Nguyễn Việt Hùng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.063.350.074.195	1.234.494.008.488
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(35.570.201.845)	(36.743.900.996)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.027.779.872.350	1.197.750.107.492
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(881.653.342.717)	(1.032.450.795.006)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.126.529.633	165.299.312.486
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	5.260.102.768	1.649.675.834
22	7. Chi phí tài chính	26	(24.273.955.878)	(20.950.713.662)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.350.281.706)	(16.010.130.009)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(35.471.024.400)	(33.672.177.635)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(63.611.727.491)	(74.666.552.613)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.029.924.632	37.659.544.410
31	11. Thu nhập khác	28	306.883.950.654	1.426.797.302
32	12. Chi phí khác	28	(144.249.052.353)	(31.263.751)
40	13. Lợi nhuận khác	28	162.634.898.301	1.395.533.551
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		190.664.822.933	39.055.077.961
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(39.024.747.415)	(9.654.442.260)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		151.640.075.518	29.400.635.701
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	5.403	937
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	5.403	937

Người lập
Lê Lan Phương

Kế toán trưởng
Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc
Nguyễn Việt Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		190.664.822.933	39.055.077.961
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình (Hoàn nhập dự phòng)/các khoản trích lập dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.307.684.973	11.668.449.264
03	Lãi từ hoạt động đầu tư		(971.635.676)	1.977.974.375
04	Chi phí lãi vay		(844.774.784)	157.357.867
05			(163.071.526.358)	(583.339.097)
06		26	15.350.281.706	16.010.130.009
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.434.852.794	68.285.650.379
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		44.754.164.592	(204.074.287.427)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(20.313.376.735)	96.289.790.812
11	Giảm các khoản phải trả		(57.347.589.198)	(17.488.130.544)
12	Giảm chi phí trả trước		2.580.979.934	2.704.883.560
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.283.881.706)	(16.017.254.009)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(71.051.162.745)	(6.990.706.315)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.533.221.000)	(5.023.286.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(68.759.234.064)	(82.313.339.544)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.655.358.089)	(13.549.987.756)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		300.799.569.173	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.500.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.500.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay		1.709.933.867	515.233.217
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		298.854.144.951	(13.034.754.539)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		794.678.938.610	750.089.340.622
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.008.504.687.792)	(633.051.455.636)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.825.736.660)	(2.632.201.896)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.795.136.460)	(22.380.373.360)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(233.446.622.302)	92.025.309.730
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.351.711.415)	(3.322.784.353)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		33.058.394.306	36.390.500.867
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.270.621	(9.322.208)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	29.711.953.512	33.058.394.306

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2025


 Người lập
 Lê Lan Phương


 Kế toán trưởng
 Trần Minh Tuấn


 Tổng Giám đốc
 Nguyễn Việt Hùng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng ("Công ty"), trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2006, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- ▶ Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su; kinh doanh phụ tùng ô tô và than.

Công ty có trụ sở chính tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh phụ thuộc sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 745 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 767 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Công ty và được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước phê duyệt.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	không hao mòn

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm, hàng hóa được bán hoặc dịch vụ được cung cấp. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo khu vực địa lý mà sản phẩm và hàng hóa được cung cấp cho khách hàng.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.144.061.226	448.093.355
Tiền gửi ngân hàng	13.567.892.286	16.610.300.951
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	16.000.000.000
TỔNG CỘNG	29.711.953.512	33.058.394.306

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng, có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất từ 3,1 - 4,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,15 - 3,4%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	154.221.238.720	367.743.975.756
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	62.316.529.740	256.777.464.990
- Các khoản phải thu khách hàng khác	91.904.708.980	110.966.510.766
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	83.995.917.500	125.127.530
TỔNG CỘNG	238.217.156.220	367.869.103.286
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.657.121.958)	(8.073.709.166)

Công ty đã thế chấp 50% giá trị quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày ở Thuyết minh số 19.

6. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Philips Black Carbon Việt Nam	2.966.978.675	(2.966.978.675)	2.966.978.675	(2.966.978.675)
Phải thu lãi tiền gửi	1.506.087.371	-	234.782.483	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	610.060.278	-	61.475.853	-
Phải thu ngắn hạn khác	838.793.447	-	759.693.759	-
TỔNG CỘNG	5.921.919.771	(2.966.978.675)	4.022.930.770	(2.966.978.675)
Dài hạn				
Tài sản cầm cố dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	97.338.492.816	-	5.496.760.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	484.938.134	-	1.017.992.134	-
TỔNG CỘNG	97.823.430.950	-	6.514.752.134	-

(i) Đây là giá trị tài sản cầm cố để đảm bảo cho các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng cung cấp tín dụng bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Tài sản cầm cố bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng này với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất là 2,9% - 4,5%/năm, và được tự động gia hạn theo thời hạn cấp tín dụng của ngân hàng.

7. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh Hưng Yên	91.805.021	-	8.282.945.970	4.095.570.475
Công ty TNHH Nam Tiến	2.831.850.000	1.982.295.000	119.237.964	83.466.575
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	2.966.978.675	-	2.966.978.675	-
Nguyễn Thị Hương	2.208.428.046	-	2.208.428.046	-
Các khách hàng khác	3.507.333.891	-	1.813.966.383	136.060.758
TỔNG CỘNG	11.606.395.633	1.982.295.000	15.391.557.038	4.315.097.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.910.925.768	-	2.069.807.040	-
Nguyên liệu, vật liệu	132.424.692.992	-	108.921.995.513	-
Công cụ, dụng cụ	2.388.412.028	-	3.159.984.288	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.167.740.955	-	8.513.109.503	-
Thành phẩm	103.422.784.358	(974.286.659)	105.762.739.980	(2.400.213.045)
Hàng hóa	11.549.979	-	108.296.466	-
Hàng gửi đi bán	965.593.529	(2.012.151)	2.442.390.084	(48.236.235)
TỔNG CỘNG	251.291.699.609	(976.298.810)	230.978.322.874	(2.448.449.280)

Công ty đã sử dụng toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại Chi nhánh Thái Bình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như trình bày ở Thuyết minh số 19.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.448.449.280	4.157.372.617
Cộng: Trích lập dự phòng	1.745.834.442	2.758.057.196
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.217.984.912)	(4.466.980.533)
Số cuối năm	976.298.810	2.448.449.280

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngắn hạn				
Bảo hiểm cháy nổ	271.208.684	279.801.309		
Chi phí thuê biển quảng cáo	422.554.370	535.662.400		
Chi phí LC	125.354.527	2.010.293.259		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	129.906.458	109.590.000		
TỔNG CỘNG	949.024.039	2.935.346.968		
Dài hạn				
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.123.495.835	3.356.897.840		
Tiền thuê đất trả trước (Thuyết minh số 28)	-	141.070.536.570		
TỔNG CỘNG	3.123.495.835	144.427.434.410		

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

B09-DN

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Đơn vị tính: VND	Tổng cộng
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm		
Số đầu năm	115.917.044.294	510.323.910.958	52.723.989.482	510.323.910.958	54.617.269.482	511.132.266.210	786.447.907	679.751.392.641		
- Mua mới trong năm	-	808.355.252	1.893.280.000	808.355.252	-	-	-	2.701.635.252		
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	426.176.296	-	-	-	-	-	-	426.176.296		
Số cuối năm	116.343.220.590	511.132.266.210	54.617.269.482	511.132.266.210	54.617.269.482	511.132.266.210	786.447.907	682.879.204.189		
Trong đó:										
Đã khấu hao hết	86.024.949.805	488.725.428.911	40.248.253.118	488.725.428.911	40.248.253.118	488.725.428.911	786.447.907	615.785.079.741		
Giá trị hao mòn lũy kế:										
Số đầu năm	99.171.679.930	502.279.081.098	41.177.957.406	502.279.081.098	41.177.957.406	502.279.081.098	786.447.907	643.415.166.341		
Khấu hao trong năm	1.979.069.780	3.979.106.218	1.713.699.721	3.979.106.218	1.713.699.721	3.979.106.218	-	7.671.875.719		
Số cuối năm	101.150.749.710	506.258.187.316	42.891.657.127	506.258.187.316	42.891.657.127	506.258.187.316	786.447.907	651.087.042.060		
Giá trị còn lại:										
Số đầu năm	16.745.364.364	8.044.829.860	11.546.032.076	8.044.829.860	11.546.032.076	8.044.829.860	-	36.336.226.300		
Số cuối năm	15.192.470.880	4.874.078.894	11.725.612.355	4.874.078.894	11.725.612.355	4.874.078.894	-	31.792.162.129		

Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào khoảng 1,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2,9 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 19. Công ty cũng đã sử dụng một phần nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại là 0 VND cho bên thứ 3 thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Máy móc, thiết bị

Nguyên giá:	
Số đầu năm	16.850.424.239
Thuê trong năm	3.274.276.103
Số cuối năm	20.124.700.342
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	4.395.365.281
Khấu hao trong năm	2.624.342.354
Số cuối năm	7.019.707.635
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	12.455.058.958
Số cuối năm	13.104.992.707

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	3.042.378.022	573.345.000	3.615.723.022
Số cuối năm	3.042.378.022	573.345.000	3.615.723.022
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	206.404.200	206.404.200
Hao mòn trong năm	-	11.466.900	11.466.900
Số cuối năm	-	217.871.100	217.871.100
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	3.042.378.022	366.940.800	3.409.318.822
Số cuối năm	3.042.378.022	355.473.900	3.397.851.922

Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản vô hình để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày ở Thuyết minh số 19.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng nhà kho, mở rộng nhà máy sản xuất tại Xuân Hòa	1.656.758.754	1.504.049.495
Khác	408.850.110	555.325.110
TỔNG CỘNG	2.065.608.864	2.059.374.605

1180 NG HIEM T & Y TN P. H

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 14.1)				
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn	375.000.000.000	(1.623.589.689)	(*) 375.000.000.000	-
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn	130.000.000.000	(2.002.085.335)	(*) 130.000.000.000	(980.089.245)
	505.000.000.000	(3.625.675.024)	505.000.000.000	(980.089.245)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 14.2)				
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	8.444.062.358	(1.312.898.421)	(*) 8.444.062.358	(1.929.397.028)
	8.444.062.358	(1.312.898.421)	8.444.062.358	(1.929.397.028)
TỔNG CỘNG	513.444.062.358	(4.938.573.445)	513.444.062.358	(2.909.486.273)

(*) Công ty đang trong quá trình xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn	Khu hành chính dịch vụ - Khu Công nghiệp và cảng biển Vũng Áng, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Sản xuất sắn, lốp cao su	30,6%	30,6%	30,6%	30,6%
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (Thuyết minh số 18)	Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện mặt trời áp mái	26,0%	26,0%	26,0%	26,0%

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa hoàn thành việc xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái vốn tại công ty này.

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất than cốc	7,0%	7,0%	7,0%	7,0%

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục giải thể doanh nghiệp và trả lại tiền vốn góp cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên khác	146.710.122.699	146.710.122.699	92.885.686.236	92.885.686.236
- Công ty TNHH Ô tô SAIC Hongyan	56.212.200.000	56.212.200.000	15.949.494.000	15.949.494.000
- Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	16.684.206.000	16.684.206.000	16.008.300.000	16.008.300.000
- Công ty TNHH Kim Trường Phúc	13.185.364.997	13.185.364.997	9.886.987.876	9.886.987.876
- Phải trả đối tượng khác	60.628.351.702	60.628.351.702	51.040.904.360	51.040.904.360
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.543.045.824	1.543.045.824	659.972.727	659.972.727
TỔNG CỘNG	148.253.168.523	148.253.168.523	93.545.658.963	93.545.658.963

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	11.457.651.594	8.858.981.197
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	31.087.674.319	64.555.712.596
TỔNG CỘNG	42.545.325.913	73.414.693.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ, PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số phải thu/khấu trừ	Số phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu/khấu trừ	Số phải nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.064.583.721	39.024.747.415	(71.051.162.745)	30.961.831.609	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	14.269.158.214	(14.269.158.214)	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng	457.652.569	481.991.930	35.401.356.612	(37.171.692.792)	1.952.962.417	206.965.598	206.965.598
Thuế thu nhập cá nhân	-	46.415.915	796.281.106	(719.665.877)	-	123.031.144	123.031.144
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	17.013.090.386	(17.013.090.386)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	584.686.946	(584.686.946)	-	-	-
TỔNG CỘNG	457.652.569	1.592.991.566	107.089.320.679	(140.809.456.960)	32.914.794.026	329.996.742	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nghĩa vụ tài chính liên quan đến trách nhiệm tài chế nộp Quỹ Bảo vệ Môi trường	2.155.063.590	-
Chi phí tiền điện	557.052.846	67.518.955
Chi phí lãi vay trích trước	344.600.000	278.200.000
Chi phí phải trả khác	689.958.710	436.722.094
TỔNG CỘNG	3.746.675.146	782.441.049

(*) Đây là số tiền Công ty trích lập để thực hiện trách nhiệm tài chế sản phẩm, bao bì theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 10 năm 2022 quy định chi tiết về một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả thư tín dụng nhập khẩu	-	78.303.636.360
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.117.901.958	1.075.017.618
Nhận ký quỹ, ký cược	3.389.497.355	3.255.964.555
Bảo hiểm xã hội	250.121.205	530.765.666
Các khoản phải trả, phải nộp khác	967.994.934	720.204.022
TỔNG CỘNG	5.725.515.452	83.885.588.221
Dài hạn		
Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư (i) (Thuyết minh số 31)	143.500.000.000	143.500.000.000
TỔNG CỘNG	143.500.000.000	143.500.000.000

(i) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn, các bên đã đồng ý thành lập Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàn Sơn" tại số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. Cũng theo hợp đồng này, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn sẽ chi trả và hỗ trợ Công ty các khoản kinh phí liên quan đến việc di dời nhà máy tại địa chỉ 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội và đầu tư vào nhà máy mới với tổng số tiền là 435 tỷ VND và Công ty đã nhận được khoản kinh phí đợt 1 và đợt 2 từ Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn với tổng số tiền là 143,5 tỷ VND. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xây dựng kế hoạch cụ thể liên quan đến việc di dời nhà máy tại 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân cũng như việc đầu tư xây dựng nhà máy mới.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư và theo đó, sẽ thực hiện thanh quyết toán các khoản kinh phí nhận được từ Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn.

Công ty cũng đã thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày ở Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá		
					Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	335.808.837.780	335.808.837.780	794.678.938.610	(878.504.687.792)	894.381.078	252.877.469.676	252.877.469.676
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	2.585.476.992	2.585.476.992	3.042.323.155	(2.825.736.660)	-	2.802.063.487	2.802.063.487
	338.394.314.772	338.394.314.772	797.721.261.765	(881.330.424.452)	894.381.078	255.679.533.163	255.679.533.163
Dài hạn							
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 19.2)	2.667.334.365	2.667.334.365	3.025.227.045	(3.577.004.155)	-	2.115.557.255	2.115.557.255
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)	130.000.000.000	130.000.000.000	-	(130.000.000.000)	-	-	-
	132.667.334.365	132.667.334.365	3.025.227.045	(133.577.004.155)	-	2.115.557.255	2.115.557.255
TỔNG CỘNG	471.061.649.137	471.061.649.137	800.746.488.810	(1.014.907.428.607)	894.381.078	257.795.090.418	257.795.090.418

30

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa	29.017.727.595	-	Gốc vay được trả theo từng khế ước nhận nợ, với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 6 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,0%/năm	- 50% quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn
	47.592.712.725	1.862.655,58	Gốc vay được trả theo từng khế ước nhận nợ, với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 6 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,3%/năm	- Một số máy móc, thiết bị; và - Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên	38.105.954.552	-	Gốc vay được trả theo từng khế ước nhận nợ, với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 6 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,0%/năm	Hàng tồn kho luân chuyển và một số máy móc tại Chi nhánh Thái Bình
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	138.161.074.804	-	Gốc vay được trả vào ngày đáo hạn theo từng khế ước nhận nợ, với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 5 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,8% - 7,3%/năm	- Hợp đồng tiền gửi theo hợp đồng cầm cố tài sản; và - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội; tại 261 Vũ Tông Phan, quận Thanh Xuân, Hà Nội và tại số 63, đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG	252.877.469.676				

31

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị theo các hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Từ 1 năm trở xuống	1.716.101.777	278.179.181	2.912.874.019	327.397.027	2.585.476.992
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Trên 1-5 năm	2.624.937.824	331.060.305	2.793.168.632	125.834.267	2.667.334.365
TỔNG CỘNG	4.341.039.601	609.239.486	5.706.042.651	453.231.294	5.252.811.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là khoản dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm cho các sản phẩm sẫm lớp được bán ra có thể phát sinh nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành và trả lại trong tương lai tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.727.540.518	6.017.700.977
Trích quỹ	2.940.063.570	2.774.125.541
Sử dụng quỹ trong năm	(3.576.571.000)	(5.064.286.000)
Số cuối năm	3.091.033.088	3.727.540.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	Vốn cổ phần	Tổng cộng
Năm trước		
Số đầu năm	280.657.650.000	439.332.707.414
Lợi nhuận thuần trong năm	-	59.006.897.854
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	29.400.635.701
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(8.322.376.624)
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	-	(2.774.125.541)
Chia cổ tức	-	(159.000.000)
	-	(22.450.694.400)
Số cuối năm	280.657.650.000	443.349.523.174
Năm nay		
Số đầu năm	280.657.650.000	443.349.523.174
Lợi nhuận thuần trong năm	-	54.701.336.990
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	151.640.075.518
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(8.820.190.710)
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành (*)	-	(2.940.063.570)
Chia cổ tức (*)	-	(156.650.000)
	-	(16.838.020.800)
Số cuối năm	280.657.650.000	575.054.864.322

(*) Công ty đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Nghị quyết số 43/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: Cổ phiếu					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	14.093.290	14.093.290	-	14.093.290	14.093.290	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	10.104.115	10.104.115	-	10.104.115	10.104.115	-
Các cổ đông khác	3.865.963	3.865.963	-	3.865.963	3.865.963	-
Cổ phiếu quỹ	2.397	2.397	-	2.397	2.397	-
TỔNG CỘNG	28.065.765	28.065.765	-	28.065.765	28.065.765	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Số đầu năm	280.657.650.000	280.657.650.000
Số cuối năm	280.657.650.000	280.657.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
Cổ tức cho năm 2023: 6% mệnh giá	16.838.020.800	-
Cổ tức cho năm 2022: 8% mệnh giá	-	22.450.694.400
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	16.783.769.520	22.381.914.640

22.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.065.765	28.065.765
Cổ phiếu phổ thông	28.065.765	28.065.765
Cổ phiếu quỹ	2.397	2.397
Cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
Cổ phiếu phổ thông	28.063.368	28.063.368

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	49.195,62	89.796,19
- Rúp Nga (RUB)	6.398,11	2.067.637,91

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.063.350.074.195	1.234.494.008.488
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	852.114.555.887	835.131.099.573
Doanh thu bán hàng hóa	192.445.447.986	379.491.570.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.423.601.197	16.459.130.921
Doanh thu bán vật tư	1.096.002.300	2.862.128.462
Doanh thu khác	270.466.825	550.078.596
Các khoản giảm trừ doanh thu	(35.570.201.845)	(36.743.900.996)
Doanh thu thuần	1.027.779.872.350	1.197.750.107.492
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	816.544.354.042	798.387.198.577
Doanh thu bán hàng hóa	192.445.447.986	379.491.570.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.423.601.197	16.459.130.921
Doanh thu bán vật tư	1.096.002.300	2.862.128.462
Doanh thu khác	270.466.825	550.078.596
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	106.976.346.849	89.718.793.318
Doanh thu đối với bên khác	920.803.525.501	1.108.031.314.174

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.981.238.755	583.339.097
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.278.864.013	1.066.336.737
TỔNG CỘNG	5.260.102.768	1.649.675.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm	693.140.221.373	671.321.077.471
Giá vốn bán hàng hóa	189.162.073.354	360.058.650.517
Giá vốn dịch vụ cung cấp và hoạt động khác	823.198.460	2.779.990.355
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.472.150.470)	(1.708.923.337)
TỔNG CỘNG	881.653.342.717	1.032.450.795.006

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	15.350.281.706	16.010.130.009
Chiết khấu thanh toán	5.499.065.970	4.584.999.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.395.521.030	470.034.322
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	2.029.087.172	(114.449.769)
TỔNG CỘNG	24.273.955.878	20.950.713.662

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.244.670.407	20.769.044.494
Chi phí nhân công	5.448.767.398	5.041.772.962
Chi phí khấu hao	11.466.900	112.072.130
Chi phí quảng cáo	1.686.826.325	1.149.745.505
Chi phí bảo hành sản phẩm	3.129.885.295	3.991.447.204
Chi phí bán hàng khác	1.949.408.075	2.608.095.340
TỔNG CỘNG	35.471.024.400	33.672.177.635
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	25.601.016.691	22.728.739.578
Tiền thuê đất, thuê đất	14.269.158.214	26.509.004.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.110.727.594	13.738.531.643
Chi phí chuyên nghiệp (*)	621.300.000	461.700.000
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.148.035.502	1.510.155.454
(Hoàn nhập dự phòng)/chi phí dự phòng	(1.416.587.208)	3.815.829.156
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.278.076.698	5.902.592.536
TỔNG CỘNG	63.611.727.491	74.666.552.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(*) Bao gồm chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu ("các Công ty EY") phát sinh trong năm nay với số tiền là 480.000.000 VND

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Thu nhập khác

Thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (*)	303.837.948.660	-
Các khoản khác	3.046.001.994	1.426.797.302
TỔNG CỘNG	306.883.950.654	1.426.797.302

Chi phí khác

Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (*)	143.747.661.057	-
Các khoản khác	501.391.296	31.263.751
TỔNG CỘNG	144.249.052.353	31.263.751

LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN

TỔNG CỘNG	162.634.898.301	1.395.533.551
------------------	------------------------	----------------------

(*) Đây là giá trị chuyển nhượng và chi phí quyền thuê lại đất và cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 03, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam căn cứ theo Nghị quyết số 138/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất chấm dứt dự án "Đầu tư nhà máy Cao su Sao Vàng tại Hà Nam" và các hợp đồng chuyển nhượng quyền thuê lại đất và cơ sở hạ tầng và tài sản gắn liền với đất với các bên liên quan.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Chi phí nguyên vật liệu	558.898.262.454	468.475.606.489
Chi phí nhân công	112.230.123.063	102.636.211.823
Chi phí khấu hao và hao mòn	10.307.684.973	11.668.449.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.152.249.557	64.054.828.747
Chi phí bằng tiền khác	44.839.568.183	61.046.591.682
(Hoàn nhập dự phòng)/trích lập dự phòng	(3.000.722.848)	2.092.424.144
TỔNG CỘNG	789.427.165.382	709.974.112.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.027.897.698	9.654.442.260
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	996.849.717	-
TỔNG CỘNG	39.024.747.415	9.654.442.260

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	190.664.822.933	39.055.077.961
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	38.132.964.586	7.811.015.592
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	711.871.127	1.836.263.728
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách	25.200.000	25.200.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(842.138.015)	(18.037.061)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	996.849.717	-
Chi phí thuế TNDN	39.024.747.415	9.654.442.260

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn ("TĐHS")	Công ty mẹ
2	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ("TĐHCVN")	Cổ đông lớn
3	Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàn Sơn	Công ty liên kết
4	Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT
7	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	Công ty trong cùng TĐHS
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hoàn Sơn	Công ty trong cùng TĐHS
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Giải khát Sao Vàng	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT
10	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty trong cùng TĐHCVN
11	Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Công ty trong cùng TĐHCVN
12	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng TĐHCVN
13	Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	Công ty trong cùng TĐHCVN

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Công ty mẹ	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.507.442.849	89.407.526.318
		Chia cổ tức	8.455.974.000	5.508.920.000
		Thanh toán cổ tức	8.455.974.000	5.508.920.000
		Trả gốc vay	130.000.000.000	-
		Cán trừ công nợ	7.000.000.000	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	6.062.469.000	8.083.292.000
		Thanh toán cổ tức	6.062.469.000	8.083.292.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng TĐHCVN	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.829.000	311.267.000
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	Công ty trong cùng TĐHS	Bán hàng hóa	82.059.075.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hoàn Sơn	Công ty trong cùng TĐHS	Mua hàng hóa	1.872.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Giải khát Sao Vàng	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Mua hàng hóa	52.159.091	259.886.364
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	660.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn	Công ty liên kết	Mua điện mặt trời	1.117.660.275	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 58.853.130 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)				
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	Công ty trong cùng TĐHS	Bán hàng hóa	83.841.817.500	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng TĐHCVN	Bán thành phẩm	143.100.000	55.274.400
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Thuê mặt bằng	11.000.000	11.000.000
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Công ty trong cùng TĐHCVN	Bán thành phẩm	-	53.953.130
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty trong cùng TĐHCVN	Bán thành phẩm	-	4.900.000
TỔNG CỘNG			83.995.917.500	125.127.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.207.073.097	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	Công ty trong cùng TĐHCVN	Dịch vụ thiết kế cùng	335.972.727	335.972.727
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Phải trả dịch vụ	-	324.000.000
TỔNG CỘNG			1.543.045.824	659.972.727
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng	31.087.674.319	64.555.712.596
TỔNG CỘNG			31.087.674.319	64.555.712.596
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Cổ đông khác	Cổ đông khác	Phải trả cổ tức	1.117.901.958	1.075.017.618
TỔNG CỘNG			1.117.901.958	1.075.017.618
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn	Công ty liên kết	Tiền hỗ trợ di dời	143.500.000.000	143.500.000.000
TỔNG CỘNG			143.500.000.000	143.500.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh 19)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Công ty mẹ	Vay dài hạn	-	130.000.000.000
TỔNG CỘNG			-	130.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thù lao	
		Năm nay	Năm trước
Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Đình Sơn	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Lương Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng BKS	48.000.000	48.000.000
Hoàng Văn Hòa	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG		360.000.000	360.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc	640.921.200	627.686.874
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	534.461.200	522.886.570
Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	494.500.000	475.541.141
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng BKS	321.839.315	282.099.888
Hoàng Văn Hòa	Thành viên BKS	275.057.009	263.615.002
TỔNG CỘNG		2.266.778.724	2.171.829.475

(*) Thu nhập gồm lương, thưởng.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

32.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				Tổng cộng
Doanh thu				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	817.640.356.342	192.445.447.986	17.694.068.022	1.027.779.872.350
Kết quả				
Lợi nhuận góp trước thuế của bộ phận	119.374.400.525	9.058.061.086	17.694.068.022	146.126.529.633
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)				44.538.293.300
Lợi nhuận thuần trước thuế				190.664.822.933
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(39.024.747.415)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				151.640.075.518
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				3.529.569.865
Tài sản cố định hữu hình				-
Tài sản cố định vô hình				10.296.218.073
Khấu hao				7.892.578.742
Hao mòn/phân bổ chi phí trả trước				140.709.281.570
Các chi phí lớn không bằng tiền khác				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	314.370.249.114	166.406.634.935	1.818.686.165	482.595.570.214
Tại sản không phân bổ (**)				726.343.743.993
Tổng tài sản				1.208.939.314.207
Công nợ bộ phận	97.478.225.643	93.307.270.217	12.998.576	190.798.494.436
Công nợ không phân bổ (***)				443.085.955.449
Tổng công nợ				633.884.449.885

44

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

32.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp theo):

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				Tổng cộng
Doanh thu				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	801.249.327.039	379.491.570.936	17.009.209.517	1.197.750.107.492
Kết quả				
Lợi nhuận góp trước thuế của bộ phận	126.070.149.243	22.619.953.726	16.609.209.517	165.299.312.486
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)				(126.244.234.525)
Lợi nhuận thuần trước thuế				39.055.077.961
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(9.654.442.260)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				29.400.635.701
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				16.173.723.558
Tài sản cố định hữu hình				-
Tài sản cố định vô hình				11.656.982.364
Khấu hao				16.781.460.657
Hao mòn/phân bổ chi phí trả trước				
Các chi phí lớn không bằng tiền khác				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	303.459.218.155	288.206.014.755	1.930.338.862	593.595.571.772
Tại sản không phân bổ (**)				753.244.087.252
Tổng tài sản				1.346.839.659.024
Công nợ bộ phận	80.336.389.524	86.610.064.894	13.898.338	166.960.352.756
Công nợ không phân bổ (***)				736.529.783.094
Tổng công nợ				903.490.135.850

(*) Thu nhập/chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ chủ yếu gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tài sản cố định, chi phí trả trước, phải thu dài hạn khác và đầu tư tài chính

(***) Công nợ không phân bổ chủ yếu gồm phải trả người lao động, vay và nợ thuê tài chính, chi phí phải trả, dự phòng phải trả, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khoa học và công nghệ và các phải trả khác.

45

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

32.1 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Xuất khẩu	Trong nước	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Doanh thu			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.890.465.984	810.889.406.366	1.027.779.872.350
Chi phí hình thành tài sản cố định			3.529.569.865
Tài sản cố định hữu hình			
Tài sản cố định vô hình			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	111.269.011.919	120.291.022.343	231.560.034.262
Tài sản không phân bổ (*)			977.379.279.945
Tổng tài sản			1.208.939.314.207
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Doanh thu			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.622.743.285	1.035.127.364.207	1.197.750.107.492
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình			16.173.723.558
Tài sản cố định vô hình			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	36.000.539.422	323.794.854.698	359.795.394.120
Tài sản không phân bổ (*)			987.044.264.904
Tổng tài sản			1.346.839.659.024

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu gồm tiền và các khoản tương đương tiền, trả trước cho người bán, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí trả trước, phải thu khác và đầu tư tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	151.640.075.518	29.400.635.701
Quý khen thưởng, phúc lợi và quý khen thưởng ban điều hành, quản lý trích lập trong năm	-	(3.096.713.570)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty	151.640.075.518	26.303.922.131
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.063.368	28.063.368
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.063.368	28.063.368
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	5.403	937
- Lãi suy giảm	5.403	937

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành, quản lý từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất, văn phòng, cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	19.949.072.806	23.518.383.538
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	79.796.291.224	94.073.534.152
Trên 5 năm	492.416.110.153	603.831.938.309
TỔNG CỘNG	592.161.474.183	721.423.855.999

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê kho, mặt bằng, văn phòng, kios theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	7.463.967.273	5.696.258.208
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	1.495.890.411	3.433.530.000
TỔNG CỘNG	8.959.857.684	9.129.788.208



35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2025





Người lập: Lê Lan Phương Kế toán trưởng: Trần Minh Tuấn Tổng Giám đốc: Nguyễn Việt Hùng



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Phạm Hoàng Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Trụ sở chính: số 231 Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 243 858 3656

Fax: (+84) 243 858 3644

Email: caosusaovang@src.com.vn

Website: src.com.vn